

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
FORTEX

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000400095 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006 thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSX)**

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 16/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 01 năm 2017)

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)

BAOVIET  **Securities**

CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BẢN CÁO BẠCH VÀ CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Địa chỉ: Lô A3 khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Điện thoại: (84.36) 36325 1688
Fax: (84.36) 36325 1689
Website: www.fortex.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 08 Lê Thái Tò, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 3928 8080
Chi nhánh: Số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3914 6888
Website: www.bvsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Nguyễn Duy Chiến – Phó Tổng Giám đốc
Điện thoại: (84.36) 363251 688
Fax: (84.36) 363251 689

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000400095 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006 thay đổi lần thứ 10 ngày 26 tháng 07 năm 2016)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSX)

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	FTM
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	50.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	500.000.000.000 VND (theo mệnh giá)

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3928 8080

Chi nhánh: Số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3914 6888

Website: www.bvsc.com.vn

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Coner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3831 5100

Fax: (84.4) 3831 5090

Website: www.ey.com



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Rủi ro đặc thù ngành	7
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu	9
5. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức niêm yết	9
2. Tổ chức tư vấn.....	9
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty	19
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.	23
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	25
5. Hoạt động kinh doanh	25
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016	35
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	37
8. Chính sách đối với người lao động	41
9. Chính sách cổ tức	42
10. Trích lập các quỹ theo quy định.....	42
11. Tình hình tài chính của Công ty	42
12. Quản trị Công ty	49
13. Tài sản	63
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo	64
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	65
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty.....	66

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	66
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	66
1. Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông	66
2. Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần	66
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phiếu.....	66
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật	66
(*): - Số tổng cộng đã loại trừ các nhân sự kiêm nhiệm nhiều vị trí.....	67
5. Phương pháp tính giá.....	67
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	70
7. Các loại thuế có liên quan.....	71
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	73
1. Tổ chức tư vấn	73
2. Tổ chức kiểm toán	74
VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN.....	74
VIII. PHỤ LỤC.....	75

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và một số khu vực.....	4
Bảng 2: Cơ cấu sản lượng sản phẩm tiêu thụ	28
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu sợi theo thị trường.....	28
Bảng 4: Cơ cấu chi phí kinh doanh của Công ty	29
Bảng 5: Một số máy móc thiết bị của Công ty tại Nhà máy số 3	30
Bảng 6: Danh sách hợp đồng đang được thực hiện.....	34
Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016	35
Bảng 8: Thông tin về các doanh nghiệp trong cùng ngành	38
Bảng 9: Tình hình tài chính tại 31/12/2015 của các công ty cùng ngành.....	39
Bảng 10: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản	43
Bảng 11: Hàng tồn kho của Công ty.....	43
Bảng 12: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	44
Bảng 13: Dư nợ vay và nợ của Công ty tại các thời điểm.....	44
Bảng 14: Các khoản phải thu của Công ty	45
Bảng 15: Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.....	46
Bảng 16: Các khoản phải trả của Công ty	47
Bảng 17: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty.....	47
Bảng 18: Tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/09/2016.....	63
Bảng 19: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016 - 2018.....	64

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tỷ lệ lạm phát Việt Nam qua các năm	5
Hình 2: Biến động giá bông thế giới năm 2010 – 2016.....	7
Hình 3: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	19
Hình 4: Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty.....	26
Hình 5: Quy trình sản xuất sợi.....	27
Hình 6: Một số hình ảnh máy móc thiết bị của Công ty.....	31
Hình 7: Quy trình kiểm tra chất lượng	32
Hình 8: Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty.....	33

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thế giới do Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu từ các nước như Mỹ, Châu Phi, Ấn Độ... và xuất hàng chủ yếu sang Trung Quốc.

1.1 Tăng trưởng kinh tế

❖ Kinh tế thế giới

Năm năm sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 diễn ra, tình hình kinh tế thế giới giai đoạn 2013 – 2015 đã có biến chuyển mang chiều hướng tích cực hơn so với giai đoạn trước, góp phần tạo lập nền tảng tốt cho sự phục hồi và ổn định trở lại trong năm 2015.

Tăng trưởng của Mỹ đi lên liên tục trong năm 2014, GDP của Mỹ trong quý 3 năm 2014 tăng 5% so với cùng kỳ năm 2013, mạnh nhất kể từ 2003. GDP của Trung Quốc bình quân 2 năm 2014 và 2013 chỉ tăng trưởng 7,7% và có xu hướng chậm dần. Mặc dù một số nơi vẫn còn tàn dư của cuộc khủng hoảng tài chính như châu Âu, bị ảnh hưởng bởi vấn đề giảm phát và tăng trưởng chậm, nhìn chung tình hình kinh tế thế giới đã cho thấy sự ổn định. Cho dù điều này chưa thực sự vững chắc đặc biệt là tại các quốc gia tâm điểm của khủng hoảng nợ công như Hy Lạp, Tây Ban Nha và Ireland hay tại các đầu tàu kinh tế Nhật Bản, Pháp, Đức... Theo dự báo của Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia (NCSIEF) dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới nói chung và một số khu vực sẽ phục hồi nhanh trong vòng 5 năm tới.

Bảng 1: Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và một số khu vực

Đơn vị: %

	Thế giới	OECD	Trung Quốc	EU-27	Euro Zone	Mỹ	Nhật
Năm 2015	3,7	2,4	6,9	1,8	1,5	2,7	1,2
Năm 2016 – 2020	4,1	2,8	6,8	2,3	2,2	3,1	0,9

Nguồn: NCSIEF tháng 2/2014

Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của một số khu vực thị trường nhập khẩu xơ sợi và sản phẩm dệt may lớn trên thế giới như Châu Âu, Mỹ, Nhật, Trung Quốc ... có ảnh hưởng không những đến việc định hướng thị trường tiêu thụ, kế hoạch đầu tư tăng năng suất và mở rộng các nhà máy của Công ty mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng và giá trị xuất khẩu của Công ty trong tương lai. Với việc hơn 60% doanh số Công ty đến từ thị trường như

Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc... tình hình kinh tế thế giới thuận lợi sẽ có nhiều tác động tích cực đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.

❖ Kinh tế Việt Nam

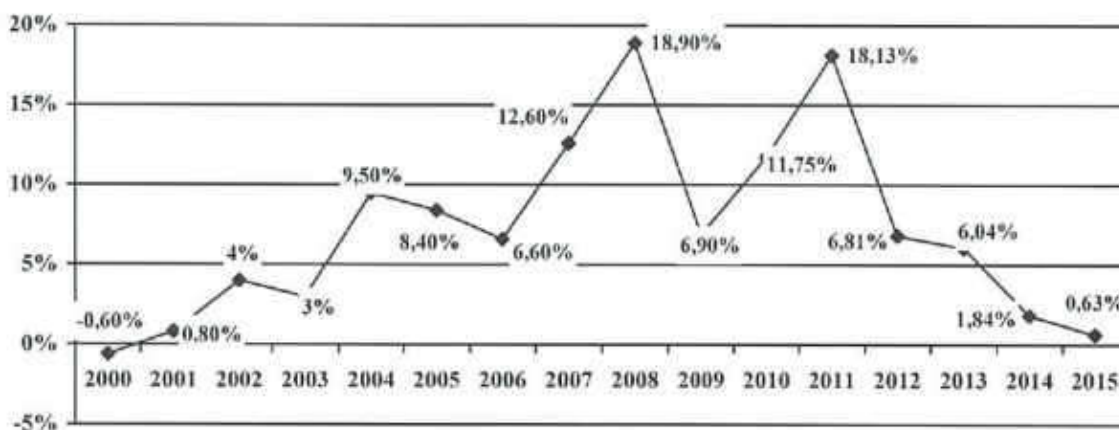
Không nằm ngoài quy luật, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hồi phục từ Quý 3 năm 2013 và đang trở lại đà tăng trưởng, dù mức tăng trưởng còn chậm. Tổng cục Thống kê đã công bố tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tăng 6,68% so với năm 2014 và đạt cao nhất trong 5 năm qua (năm 2011 tăng 6,25%, năm 2012 tăng 5,25%, năm 2013 tăng 5,42%, năm 2014 tăng 5,98%)

Mặc dù tăng trưởng kinh tế có đã dấu hiệu khả quan, nền kinh tế Việt Nam vẫn có một số điểm đáng quan ngại, ảnh hưởng đến sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước như thu nhập thực tế của người lao động thấp, phổ biến trong khoảng 3 triệu đồng/tháng, hàng hóa tồn kho cao và sức mua kém. Tuy là một doanh nghiệp sản xuất sợi trong nước, nhưng với hơn 60% sản phẩm tiêu thụ tại thị trường quốc tế, những khó khăn trên cũng không gây ra quá nhiều bất lợi cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

1.2 Lạm phát

Lạm phát ở Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và biến động với biên độ khá lớn tạo ra những biến động bất thường về giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Hình 1: Tỷ lệ lạm phát Việt Nam qua các năm



Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015, Chính phủ đã thực hiện nhiều giải pháp tích cực để kiểm chế lạm phát. Kết quả là năm 2015 tỷ lệ lạm phát đã xuống mức 0,63%, thấp nhất trong vòng 14 năm trở lại đây.

Đối với doanh nghiệp sản xuất sợi như Fortex, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá điện và chi phí nhân công. Bên cạnh đó, tình hình lạm phát cũng ảnh hưởng đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu – những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Để giảm thiểu ảnh hưởng

của lạm phát đến hoạt động, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào.

1.3 Lãi suất

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp.

Trong năm 2015, chính sách tín dụng sẽ tiếp tục được điều hành theo phương châm mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn hiệu quả. Ngoài ra, Ngân hàng nhà nước tiếp tục triển khai các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn nhằm vượt qua những khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty đang có dư nợ vay dài hạn giá trị 418 tỷ đồng, trong đó lãi suất vay dao động từ 6,3% đến 10,3%. Mặt bằng lãi suất thấp hiện tại là điều kiện thuận lợi để các Công ty hoạt động tốt như Fortex tiếp cận với nguồn vốn vay giá rẻ để giải ngân cho các dự án đầu tư mở rộng của mình một cách hiệu quả.

1.4 Tỷ giá hối đoái

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Trong năm 2015, tỷ giá đã tăng kịch trần 5 % trong biên độ cho phép.

Hiện nay mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng nhiều ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu đầu vào nhưng do hơn 85% sản phẩm của Công ty xuất khẩu ra nước ngoài nên Công ty có thể chủ động ổn định nguồn ngoại tệ (chủ yếu là USD), đảm bảo cân bằng thanh toán. Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng và rủi ro của biến động tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty đã đề ra chính sách quản lý chặt chẽ, đa dạng hóa nguồn cung cấp từ các nước và có kế hoạch xuất nhập khẩu ổn định.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty.

Là một công ty đại chúng, ngoài sự tác động và chi phối chính của Luật Doanh nghiệp, Fortex còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro

pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra do hoạt động kinh doanh của Công ty đang có xu hướng xuất khẩu với nhiều khách hàng và các nhà cung cấp từ nước ngoài. Công ty cũng cần tuân thủ nghiêm ngặt theo các tập quán, luật pháp quốc tế và các quy định của các hiệp hội hoặc tổ chức chuyên môn trong ngành sợi về chính sách bán hàng, chính sách quản lý chất lượng hay chính sách về nhân công động và bảo vệ môi trường.

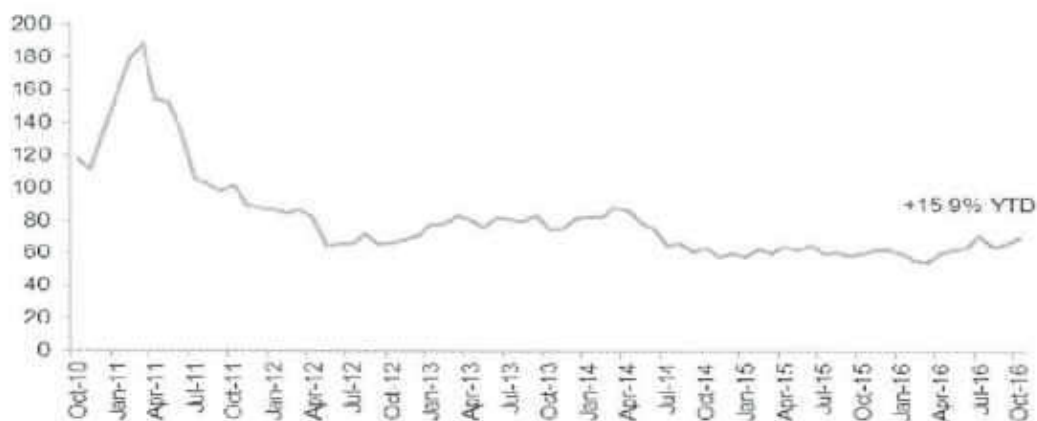
Để có sự thích nghi tốt nhất với những thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam và làm quen với các quy định của quốc tế, Fortex đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh các chính sách và điều luật mới thông qua các công ty tư vấn pháp luật hoặc các khóa đào tạo cập nhật kiến thức luật pháp cho nhân viên.

3. Rủi ro đặc thù ngành

❖ Rủi ro từ biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi ... Giá bông biến động liên tục theo ngày và tương đối khó dự đoán, trong quá khứ, giá bông có mức biến động bất thường và có thời điểm đạt đỉnh 195,7 cents/pound vào tháng 3/2011 và liên tục giảm xuống mức 56,38 cents/pound tháng 3/2016. Trong khi đó các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải nhập khẩu tới 90% lượng bông phục vụ sản xuất do chúng ta chưa có vùng trồng bông rộng và đủ sản lượng đáp ứng.

Hình 2: Biến động giá bông thế giới năm 2010 – 2016



Nguồn: Bloomberg

Đây là một rủi ro đặc thù của Công ty trong trường hợp giá bông thế giới tăng/ giảm đột biến khi các đơn hàng đã ký kết theo giá giao ngay. Nhằm giảm thiểu rủi ro từ sự biến động

giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Fortex đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, từ các thị trường Tây Phi, Bắc Mỹ và Ấn Độ, để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào.

Ngoài ra Công ty cũng chủ động điều chỉnh giá bán dựa theo giá nguyên vật liệu đầu vào tại từng thời điểm khác nhau. Với một số mặt hàng đặc biệt, Công ty đã có hợp đồng dài hạn với các khách hàng, ổn định về giá bán ở mức cao, hạn chế rủi ro từ việc biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

❖ **Rủi ro biến động của giá dầu mỏ**

Ngành sản xuất sợi gồm hai chủng loại đó là sợi được chế biến từ bông là sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm sợi được chế biến từ sợi nhân tạo được làm từ dầu mỏ. Việc tăng giảm giá dầu mỏ cũng làm ảnh hưởng đến giá bán của sản phẩm sợi thiên nhiên. Có thể nói, giá cả của sản phẩm sợi sẽ biến động theo tỷ lệ thuận của giá dầu, trong các năm lại đây giá dầu thô của thế giới liên tục giảm đã tác động trực tiếp để giá bán của ngành sợi thiên nhiên. Tuy nhiên, đến nay giá dầu thô đã đi vào ổn định trở lại, cùng với việc tổ chức các nước sản xuất dầu mỏ đã hợp và thống nhất giảm sản lượng đó là tin vui cho ngành sản xuất sợi tự nhiên.

❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đông Quang, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã có hơn 100 nhà máy kéo sợi thuộc 80 doanh nghiệp với năng lực thiết bị khoảng 6 triệu cọc sợi, cung cấp khoảng 680.000 tấn sợi/năm. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt.

Lường trước các rủi ro này, Fortex đã lên kế hoạch chủ động đầu tư, nâng cao hiệu suất sản xuất và phát triển các sản phẩm chuyên biệt, nhằm tối ưu dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại sẵn có và tạo ra sự khác biệt trên thị trường.

❖ **Rủi ro thị trường**

Các biến động trên thị trường có thể sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Fortex. Cụ thể như các thay đổi về thị trường xuất khẩu, lãi suất, giá mua bán nguyên vật liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái dẫn đến các tổn thất nhất định cho hoạt động kinh doanh của Fortex. Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm sợi của Fortex chủ yếu sang thị trường Trung Quốc, thị trường luôn tiềm ẩn các rủi ro về giá bán, chính sách, chính trị. Để hạn chế các rủi ro về biến động của thị trường xuất khẩu sợi, Fortex thường xuyên thực hiện các nghiên cứu tìm kiếm các thị trường xuất khẩu mới như thị trường Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ. Nghiên cứu tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô và Thị trường sợi một cách toàn diện để có thể dự đoán các xu hướng biến động của các yếu tố vi mô và vĩ mô. Bên cạnh đó, việc đa dạng thị trường xuất khẩu sợi, danh mục đầu tư

luôn được chú trọng, đồng thời hướng tới việc sử dụng các công cụ phái sinh nhằm để phòng và hạn chế một số rủi ro về tỷ giá, lãi suất trong hoạt động kinh doanh của công ty.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Việc cổ phiếu Fortex được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đánh dấu mốc son mới trong quá trình hình thành và phát triển của Fortex. Qua đó, tính thanh khoản và độ hấp dẫn sẽ được nhà đầu tư đánh giá hợp lý hơn, tạo điều kiện cho kế hoạch huy động vốn tiến đến việc phát triển bền vững trong tương lai.

Tuy nhiên, giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố bên cạnh tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực hoạt động của Công ty như: tình hình kinh tế trong nước và thế giới, biến động của thị trường tài chính, tâm lý nhà đầu tư và các chính sách, quy định khác của pháp luật. Sự biến động về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất của Công ty dẫn đến sự nhận định, đánh giá của thị trường chưa đúng với giá trị thật của Fortex.

5. Rủi ro khác

Ngoài những loại rủi ro đã được liệt kê ở trên, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng như các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão, lụt...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo... mà Công ty có thể sẽ phải đối mặt. Đây là những rủi ro ít có khả năng xảy ra, tuy nhiên nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Lê Mạnh Thường	- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà: Nguyễn Thị Mai	- Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Đức Cảnh	- Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Phạm Khánh Tâm	- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh và công bố trong Bản cáo bạch này là minh bạch và đúng sự thật, phù hợp với thực tế và triển vọng phát triển của Công ty.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: Võ Hữu Tuấn	- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh CTCP Chứng khoán Bảo Việt
<i>Theo Giấy ủy quyền số 02/2016/UQ-BVSC do ông Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ký ngày 04/01/2016</i>	
Ông: Nguyễn Văn Khánh	- Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh CTCP Chứng khoán Bảo Việt

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản Thông tin tóm tắt này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Công ty đại chúng	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Công ty tư vấn/ Tổ chức tư vấn	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Cổ phiếu/ cổ phần	Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
Người có liên quan:	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân; - Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết; - Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó; - Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; - Công ty mẹ, công ty con; - Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong bản Thông tin tóm tắt này có nội dung như sau:

BCTC	Báo cáo tài chính
BKS	Ban kiểm soát
CBNV	Cán bộ nhân viên
Công ty/ Fortex	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
CP	Cổ phiếu
CPLH	Cổ phiếu lưu hành
DTT	Doanh thu thuần
DHDCĐ	Đại hội đồng cổ đông
DKDN	Đăng ký doanh nghiệp
EPS	Earnings Per Share - Là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận ròng} - \text{cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông.}$
GCN/GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GTSS	Giá trị sổ sách
GVHB	Giá vốn cung cấp dịch vụ
HĐQT	Hội đồng quản trị
KHĐT	Kế hoạch và Đầu tư
KTT	Kế toán trưởng
LN	Lợi nhuận
LNG	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ $LNG = DTT \text{ từ cung cấp dịch vụ} - GVHB$
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TGD	Tổng Giám đốc
TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- Tên Tiếng Anh : Duc Quan Investment and Development Joint Stock Company
- Địa chỉ : Lô A3 khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam
- Điện thoại : (84.4) 363.251.688
- Fax : (84.4) 363.251.689
- Website : www.fortex.com.vn
- Giấy CNDKDN : Số 1000400095 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 27 tháng 11 năm 2013 và thay đổi lần thứ 10 ngày 26/07/2016, (Doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty TNHH dệt Đại Cường Thái Bình).
- Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng
(Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng chẵn)
- Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ GCN ĐKKD số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006 và thay đổi lần thứ 10 ngày 26/07/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sợi	1311 (Chính)
2	Sản xuất vải dệt thoi	1312
3	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
4	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc	1321
5	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
6	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
7	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
8	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
9	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

10	Xây dựng nhà các loại	4100
11	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
12	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn sợi	4669
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp	4290
14	Phá dỡ	4311
15	Chuẩn bị mặt bằng	4312
16	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
18	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
21	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
22	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu, khí dầu mỏ hoá lỏng và các sản phẩm liên quan, chiết nạp gas	4661
23	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
24	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
25	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ gỗ, gỗ công nghiệp	1629
26	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất bằng gỗ	3100
27	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
28	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện	4759

29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng, khai khoáng, may mặc	4659
30	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

❖ Năm 2006

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình, được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo GCN ĐKKD lần đầu số 0802000861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với mức VDL 50 tỷ đồng.

Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được hình thành với sự góp vốn của các cá nhân Đỗ Tất Thành, Bùi Thị Hằng, Lê Mạnh Thường, Phạm Ngọc Toàn và Đỗ Đức Dũng. Mỗi thành viên sáng lập góp 20% VDL.

❖ Năm 2007

Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Công ty nhận được GCN Đầu tư số 08201000002 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình chấp thuận cho Công ty thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi Đại Cường Thái Bình với quy mô công suất 4.500 tấn/năm tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh tỉnh Thái Bình. Diện tích đất sử dụng là 2.3 ha với tổng vốn đầu tư là 277 tỷ đồng.

❖ Từ năm 2008 đến năm 2011

Ngày 10 tháng 04 năm 2007 Công ty thay đổi cơ cấu góp vốn của cổ đông sáng lập và tăng VDL lên 80 tỷ đồng theo hình thức góp vốn bằng tiền.

❖ Năm 2012

Ngày 22 tháng 02 năm 2012 Công ty thay đổi cơ cấu góp vốn của cổ đông sáng lập và tăng VDL lên 150 tỷ đồng theo hình thức góp vốn bằng tiền.

❖ Năm 2013 và năm 2014

Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân theo GCN ĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2013.

Các cổ đông sáng lập là ông Lê Mạnh Thường chiếm 80% VDL, ông Phạm Ngọc Toàn và ông Phạm Thành Đông, mỗi thành viên chiếm 10% VDL.

Ngày 24 tháng 12 năm 2013, Công ty thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

❖ Năm 2015

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành 2 lần tăng vốn.

Ngày 16/09/2015 Công ty tăng vốn thêm 280 tỷ đồng lên 430 tỷ đồng thông qua việc góp

vốn bằng tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường.

Ngày 31/12/2015 Công ty tăng vốn lên thành 500 tỷ đồng thông qua việc góp vốn bằng tiền mặt trị giá 28,8 tỷ đồng và bằng tài sản trị giá 41,2 tỷ đồng.

❖ Năm 2016

Tại ngày 30/06/2016 Công ty đã tiến hành Đại hội cổ đông thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và các thủ tục cần thiết khác liên quan.

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần vào ngày 27 tháng 11 năm 2013 theo GCN ĐKDN số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/11/2016, Công ty đã thực hiện các lần thay đổi vốn điều lệ như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	16/09/2015	280.000	430.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ tăng vốn; - Giấy CNĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/09/2015; - Cơ quan chấp thuận Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình.
2	31/12/2015	70.000	500.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ tăng vốn; - Giấy CNĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 9 ngày 31/12/2015; - Cơ quan chấp thuận Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình.

Ghi chú: Công ty thực hiện 2 đợt tăng vốn nêu trên trong giai đoạn chưa là công ty đại chúng. Ngày 22/11/2016, Công ty đã tiến hành các thủ tục đăng ký trở thành Công ty đại chúng theo đúng quy định.

Công ty đã tăng vốn mạnh trong năm 2015 từ 150 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, bao gồm:

Tăng vốn đợt 1 ngày 16/09/2015 từ 150 tỷ lên 430 tỷ đồng thông qua việc tăng vốn dưới hình thức góp vốn bằng tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường bao gồm Phân xưởng 1 (6.700 Roto), Phân xưởng 2 (17.640 cọc) và nhà máy Tiền Hải (45.696 cọc), chi tiết như sau:

- Trước khi tăng vốn Công ty chi sở hữu nhà máy Đức Quân có số số lượng cọc sản xuất sợi là 38.400 cọc có công suất 6.120 tấn/năm, sau khi tăng vốn bằng hình thức góp tài sản là nhà xưởng, máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường bao gồm: Văn phòng trụ sở làm việc, Phân xưởng 1 (sản xuất sợi OE công suất 550 tấn/năm), Phân xưởng 2 (sản xuất sợi cotton công suất 2.760 tấn/năm) và Nhà máy Tiền Hải (kéo sợi cotton công suất 8.700 tấn/năm), như vậy sau khi nhận góp vốn Fortex có tổng số lượng cọc sản xuất sợi tăng thêm là 70.030 cọc sợi với tổng công suất là: 12.000 tấn/năm.
- Sau khi tăng vốn lên 430 tỷ và đưa 4 nhà máy vào hoạt động, năng lực sản xuất của Fortex được tăng lên đáng kể (công suất 18.100 tấn/năm), đã chính thức lọt vào top 3 nhà sản xuất sợi cotton tại Việt Nam.
- Doanh thu thành phẩm trước khi tăng vốn (150 tỷ đồng ở năm 2014) chỉ đạt 409 tỷ đồng/năm, sau khi tăng vốn lên 430 tỷ đồng (Nhà máy Đức Quân, Phân xưởng 1, Phân xưởng 2 và nhà máy Tiền Hải) đạt doanh thu dự kiến là 900 tỷ đồng/năm 2016 và sẽ tăng dần cho các năm về sau, khi các nhà máy chạy hết công suất sẽ đạt khoảng 1.200 tỷ đồng doanh thu/năm.

Tăng vốn đợt 2 ngày 31/12/2015 từ 430 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng dưới hình thức góp vốn bằng tài sản, bao gồm nguyên vật liệu, phụ tùng tồn kho, hệ thống phần mềm quản lý có tổng giá trị là 41,2 tỷ đồng và tiền mặt để bổ sung vốn lưu động là 28,8 tỷ đồng của doanh nghiệp.

❖ Tình hình thay đổi quyền sở hữu của tài sản mang đi góp vốn

Sau khi hoàn tất việc góp vốn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đức Quân đã phối hợp với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường tiến hành việc thay đổi chủ quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên cụ thể như sau:

- Đối với Nhà máy Tiền Hải gắn liền với quyền sử dụng đất tại KCN Khí mỏ Tiền Hải - Xã Tây Sơn - Huyện Tiền Hải - Tỉnh Thái Bình có Sổ chứng nhận quyền sử dụng đất BG 356432 cấp ngày 24/04/2013 dưới tên chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Cường sang tên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đức Quân có sổ chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 098601 cấp ngày 01/06/2016.
- Riêng đối với Phân xưởng 1 và Phân xưởng 2 – Nhà máy 1 gắn liền với giấy Chứng

nhận quyền sử dụng đất số BG 634072 tại KCN Nguyễn Đức Cảnh - P.Trần Hưng Đạo - TP.Thái Bình - Tỉnh Thái Bình thì hai bên đang làm thủ tục chuyển đổi sang tên. Tờ Trích lục Địa chính thửa đất số 04/2016/TLĐC đã được Văn Phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Thái Bình và Sở tài nguyên môi trường chuyển từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường sang Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đức Quân còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang chờ ký duyệt của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình, và các bên cam kết sẽ hoàn tất việc sang tên chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 16/01/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình ban hành công văn số 87/STNMT-QLĐĐ theo đó có phản hồi về hồ sơ thay đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại lô A2 KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình như sau “ Ngày 10/06/2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đã nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại lô A2 – KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình tại trung tâm hành chính công tỉnh Thái Bình. Nhưng hồ sơ của Công ty chưa hoàn thiện cụ thể là chưa hoàn thiện trích lục địa chính thửa đất do vậy Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định và Giấy chứng nhận đầu tư Dự án Nhà máy kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và Nhà máy kéo sợi pha bông chải kỹ công suất 2.000 tấn/năm vậy đề nghị Công ty khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trích lục địa chính thửa đất cho phù hợp thực tế hiện trạng để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất theo đúng quy định”.

- Đối với các tài sản khác đã được các bên hoàn tất việc bàn giao chủ sở hữu và sử dụng.

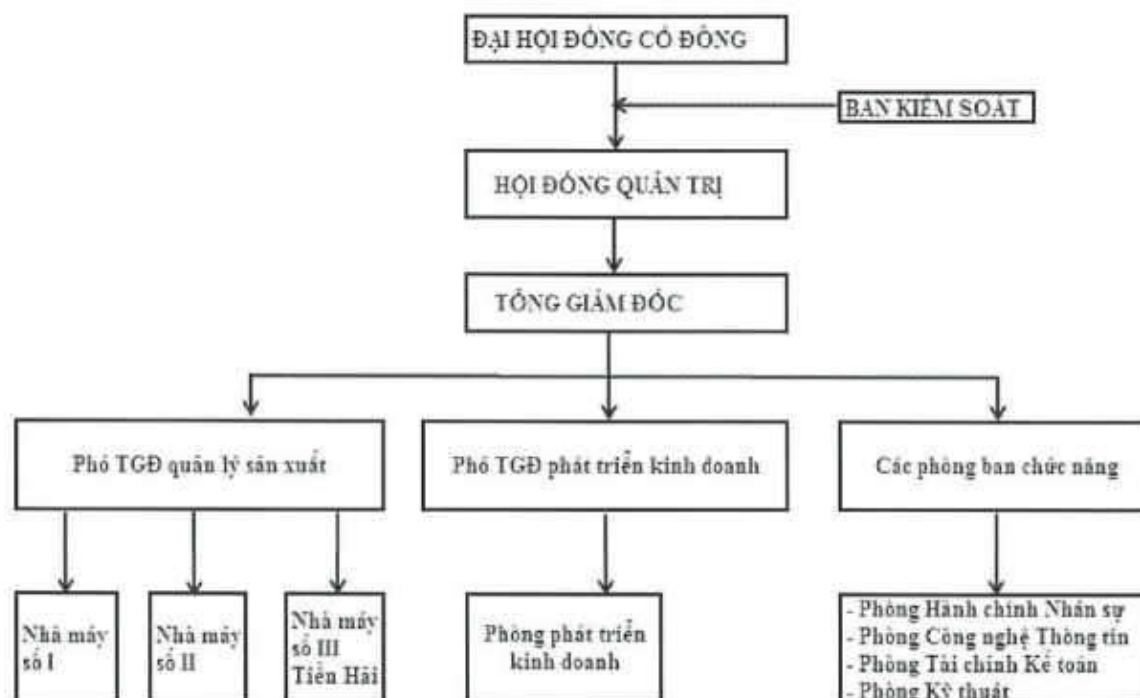
-Danh sách quyền sử dụng đất Fortex đang sở hữu

Stt	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số	Địa chỉ	Hình thức đất và mục đích sử dụng	Ghi chú
01	NHÀ MÁY SỐ 1 Trích lục địa chính thửa đất số 04/2016/TLĐC cấp ngày 18/07/2016 – Diện tích 18.697 m ²	Lô A2 – KCN Nguyễn Đức Cảnh – Đường Trần Thái Tông – TP.Thái Bình – tỉnh Thái Bình	Đất thuê, nhà máy Đức Quân 1 bao gồm Phân xưởng 1 và Phân xưởng 2	Nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Cường
02	NHÀ MÁY SỐ 2 BG 358744 cấp ngày 11/09/2012 – Diện tích 23.599,1 m ²	Lô A3 – KCN Nguyễn Đức Cảnh – Đường Trần Thái Tông – TP.Thái Bình – tỉnh Thái Bình	Nhà nước cho thuê – Đất trả tiền hàng năm, Nhà máy Đức Quân 2	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của Công ty Đức Quân

03	NHÀ MÁY SỐ 3 CC 098601 cấp ngày 01/06/2016 - Diện tích: 52.333,2 m ²	KCN Tiền Hải - Xã Tây Sơn - Huyện Tiền Hải - Tỉnh Thái Bình	Đất thuê, nhà máy Đức Quân 5	Nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Cường
----	--	---	---------------------------------	---

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty

Hình 3: Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban Kiểm soát, và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCD thường niên năm 2016 họp ngày 30/06/2016 bầu ra gồm 05 thành viên, các thành viên HĐQT nhóm họp và bầu Chủ tịch HĐQT. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty theo quy định trong Điều lệ Công ty.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCD quy định.

HDQT của Công ty bao gồm các thành viên sau:

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Xuân Chính	Phó chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông theo quy định trong Điều lệ của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 30/06/2016 đã bầu Ban kiểm soát gồm 03 thành viên như sau:

Bà Phạm Khánh Tâm	Trưởng ban kiểm soát
Ông Vũ Hồng Thái	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Lưu	Thành viên BKS

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban TGD Công ty bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Mai	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Ngọc Bảo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Đức Cảnh	Kế toán trưởng

❖ **Bộ phận sản xuất**

• **Nhà máy sợi số 1**

Nhà máy sợi số 1 đóng tại Lô A2, Khu Công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình bao gồm 2 phân xưởng: phân xưởng OE bao gồm 6.700 roto với công suất sản xuất 550 tấn sợi/năm và phân xưởng sợi cotton gồm 17.640 cọc sợi sản xuất 2.760 tấn sợi/năm. Sản phẩm chủ yếu tại nhà máy này là sợi OE 18 bán cho các làng nghề trong địa bàn tỉnh và sợi CD30, CD32 xuất khẩu sang Trung Quốc.

• **Nhà máy sợi số 2**

Nhà máy sợi số 2 đóng tại Lô A3, Khu Công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình được đưa vào khai thác từ năm 2008 với tổng số cọc sợi là 38,400 cọc và công suất thiết kế tối đa 6.120 tấn thành phẩm/năm. Thành phẩm của nhà máy số 2 chủ yếu là các loại sợi

chải thô CD32 và sợi chải kỹ CM32, được xuất sang thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc và Hongkong.

- **Nhà máy sợi số 3 Tiên Hải**

Nhà máy sợi số 3 là nhà máy lớn nhất của doanh nghiệp được đóng tại khu công nghiệp Tiên Hải, tỉnh Thái Bình được đầu tư xây dựng từ năm 2008 và chính thức đi vào hoạt động từ quý 1 năm 2011. Nhà máy này có 45.690 cọc sợi với công suất sản xuất 8.700 tấn sợi/năm. Sản phẩm sản xuất tại nhà máy số 1 chủ yếu là sợi chải kỹ với các loại sợi như CM32, CM40, và sợi chải thô CD32, CD40 và CD60.

- ❖ **Bộ phận kinh doanh**

Phòng kinh doanh

- Nghiên cứu và hoạch định các chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh.
- Khảo sát, đánh giá nhu cầu thị trường, thực hiện hoạt động tìm kiếm thị trường, xây dựng kế hoạch phát triển dịch vụ, tìm kiếm các nhà cung cấp uy tín, chất lượng.
- Chủ động tìm kiếm, tiếp xúc với khách hàng để giới thiệu về dịch vụ của Công ty, đồng thời hướng dẫn thực hiện các thủ tục mua bán cho khách hàng.
- Tổ chức các chương trình giới thiệu, quảng bá dịch vụ, các chương trình khuyến mại.
- Tổ chức bán hàng, tiêu thụ dịch vụ.
- Giải đáp các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
- Thống kê lưu trữ hồ sơ và thông tin khách hàng.

Phòng mua hàng

- Tham mưu cho ban lãnh đạo trong lĩnh vực thu mua Nguyên liệu bông xơ và các chi phí đầu vào phục vụ cho sản xuất.
- Đàm phán với Nhà cung cấp về việc mua nguyên liệu theo kế hoạch của Phòng Kế hoạch – Xuất nhập khẩu.
- Chịu trách nhiệm về thời gian, tiến độ giao hàng và chất lượng nguyên vật liệu
- Kiểm tra điều kiện và điều khoản Hợp đồng kinh tế, Hợp đồng mua bán.

- ❖ **Các phòng ban chức năng**

Phòng Hành chính và Nhân sự

- Tham mưu Ban lãnh đạo Công ty về cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị nguồn nhân lực và các chính sách liên quan đến người lao động, đảm bảo cơ sở vật chất và môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.
- Tham mưu cho Ban lãnh đạo về các hệ thống văn bản Pháp luật do nhà nước ban hành.
- Công tác xây dựng tổ chức, xây dựng nội bộ.
- Quản trị nhân sự: tuyển dụng, đánh giá nội bộ, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển, điều chuyển CBCNV.

- Công tác lao động, tiền lương, chính sách, phúc lợi, cho người lao động, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.
- Xây dựng các quy chế, quy định...nhằm đảm bảo bộ máy công ty hoạt động ngày càng chặt chẽ và hiệu quả.
- Đảm bảo các điều kiện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sức khỏe của người lao động trong công ty.
- Thực hiện các công tác khác theo sự phân công của Ban Tổng Giám đốc.

Phòng Công nghệ thông tin (“CNTT”)

- Nghiên cứu, đề xuất quy hoạch, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn ứng dụng và phát triển CNTT, thông tin nghe nhìn của Công ty: tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, các chương trình quản lý ứng dụng và phát triển CNTT sau khi được phê duyệt.
- Quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa và vận hành hoạt động toàn bộ hệ thống hạ tầng CNTT, viễn thông và nghe nhìn của Tập đoàn
- Hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho CBNV, các phòng chức năng trong khai thác ứng dụng CNTT phục vụ công việc quản lý
- Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu các văn bản quan trọng của đơn vị.
- Quản trị và tổ chức khai thác có hiệu quả hệ thống mạng Intranet/ Internet của Công ty, cung cấp dịch vụ thông tin – thư điện tử.
- Quản trị website của Công ty và các công ty thành viên, quản trị kỹ thuật, vận hành, các phần mềm ứng dụng: kế toán, quản trị công ty, quản lý nhân sự,
- Thực hiện việc thu thập, lưu trữ, theo dõi xử lý và đảm bảo an toàn thông tin, duy trì các nội qui, qui định về CNTT trong tập đoàn.
- Theo dõi giám sát các hoạt động của toàn toàn bộ tập đoàn qua camera an ninh
- Thực hiện các báo cáo, thống kê theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

Phòng Tài chính Kế toán

- Đảm bảo việc hạch toán kế toán theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thi công của Công ty với khách hàng.
- Tổ chức công tác kế toán, thống kê và bộ máy kế toán, thống kê phù hợp với đặc điểm và nhiệm vụ của Công ty. Đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của công tác hạch toán kế toán.
- Tính toán, hạch toán, định khoản và phản ánh một cách kịp thời, trung thực và đầy đủ toàn bộ vật tư, tài sản, tiền vốn và tình hình biến động của vật tư, tài sản, tiền vốn của toàn Công ty.
- Lập và gửi đúng hạn báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thống kê định kỳ theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định nội bộ của Công ty.

- Lập và gửi các “Báo cáo ước kết quả kinh doanh hàng tuần” làm cơ sở cho lãnh đạo đánh giá và quyết định các biện pháp điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty
- Chủ trì phối hợp với các phòng ban lập kế hoạch nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm. Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các kế hoạch huy động, sử dụng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty;
- Tổ chức kiểm tra, xử lý báo cáo kế toán thống kê định kỳ và lập báo cáo tổng hợp kế toán thống kê của Công ty theo quy định hiện hành; đảm bảo tính pháp lý của số liệu tổng hợp.
- Tổ chức quản lý phần vốn góp của Công ty ở các doanh nghiệp khác;
- Phối hợp với các đơn vị dịch vụ để quản lý việc chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty.

Phòng Kỹ thuật

- Kiểm soát vận hành máy móc thiết bị tại các nhà máy
- Kiểm tra lịch xích bảo trì thiết bị trong các nhà máy
- Quản lý hệ thống thiết bị điện máy cung cấp điện cho Công ty
- Xác nhận thông số kỹ thuật liên quan tới nhu cầu vật tư phụ tùng
- Kiểm soát tiến độ cung cấp vật tư phụ tùng
- Quản lý và sửa chữa hệ thống điện tử của toàn Công ty.

Phòng kế hoạch – Xuất nhập khẩu

- Xây dựng kế hoạch nguyên liệu, đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy sử dụng.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và đảm bảo các thông số kỹ thuật để phục vụ nhu cầu bán hàng.
- Kiểm soát chất lượng giao hàng, chất lượng sản xuất.
- Thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu.
- Thực hiện công tác thống kê, kiểm soát chất lượng.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.

❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 28/11/2016**

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giấy chứng thực	SL CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Lê Mạnh Thường	Số 287, phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Lâm, TP. Thái	034075000017 ngày cấp 31/01/2013 bởi	12.000.000	24,00

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giấy chứng thực	SL CP nắm giữ	Tỷ lệ %
		Bình	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội		
2	Lê Thùy Anh	L.2505 Tòa nhà Vincom - 72 Lê Thánh Tôn - Q1 - TPHCM	151712715 ngày cấp 05/12/2005 bởi CA Thái Bình	10.766.500	21,53
3	Phạm Đình Giá	Thụy Liên - Thái Thụy - Thái Bình	151700927, ngày cấp 06/12/2004, Công An Thái Bình	4.310.000	8,62
4	Nguyễn Duy Chiến	Thụy Liên - Thái Thụy - Thái Bình	034057001063 ngày cấp 09/06/2015 bởi Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	2.750.000	5,50

Nguồn: Theo Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản

❖ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

Stt	Họ và tên	Địa chỉ	Giấy chứng thực	SL CP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Lê Mạnh Thương	SN 287, phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Lãm, TP. Thái Bình	034075000017 ngày cấp 31/01/2013 bởi Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	12.000.000	24,00
2	Phạm Thành Đông	Thôn Ngái - Xã Bình Minh - H.Kiến Xương - Thái Bình	151359919 ngày cấp 23/06/2005 bởi CA Thái Bình	30.000	0,06
3	Phạm Ngọc Toàn	95 Bồ Xuyên - Tổ 15 - P. Bồ Xuyên - Thái Bình	151842788 ngày cấp 03/04/2006 bởi CA Thái Bình	30.000	0,06

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản

Quy định về hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập

Căn cứ quy định tại Điều 84 Luật doanh nghiệp: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp GCNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân thành lập ngày 30/10/2006 dưới hình thức Công ty TNHH và chính thức trở thành công ty cổ phần từ ngày 27/11/2013 theo GCN ĐKKD số 1000400095.

❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/11/2016

Stt	Cổ đông	SLCP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông trong nước					
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	50.000.000	500.000.000.000	100.00	318
Cổ đông nước ngoài					
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ		0	0	0	0
Tổng cộng		50.000.000	500.000.000.000	100.00	318
<i>Nguồn: Theo Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tại ngày 28/11/2016</i>					

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.

❖ Công ty mẹ: Không có

❖ Công ty con: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân hiện đang quản lý và khai thác 3 nhà máy sợi trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Với gần 110.000 cọc sợi, Công ty có năng lực sản xuất lên đến 18.000 tấn sợi/năm.

Các nhóm sản phẩm chính của Công ty bao gồm:

- Sợi CD có chỉ số từ 30 đến 60: là loại sợi 100% cotton chải thô, có tính năng hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người và thường dùng để dệt các loại vải mềm trong lĩnh vực may mặc.

- Sợi CM có chỉ số Ne từ 30 đến 60: là loại sợi 100% cotton chải kỹ cao cấp và thường dùng để dệt các loại vải mềm trong lĩnh vực may mặc.

- Sợi OE có chỉ số sợi từ 18 đến 25 là loại sợi mà nguyên liệu của nó là bông thu hồi từ các nhà máy sợi cộc và được quay lại sản xuất và thường dùng để dệt khăn bông, bít tất.

Chất lượng các sản phẩm sợi và thương hiệu Công ty đạt tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với các điều kiện khắt khe của nhiều thị trường. Thương hiệu sợi Fortex đã được xuất hiện tại nhiều thị trường như Trung Quốc, Hồng Kong, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Châu Âu, ...

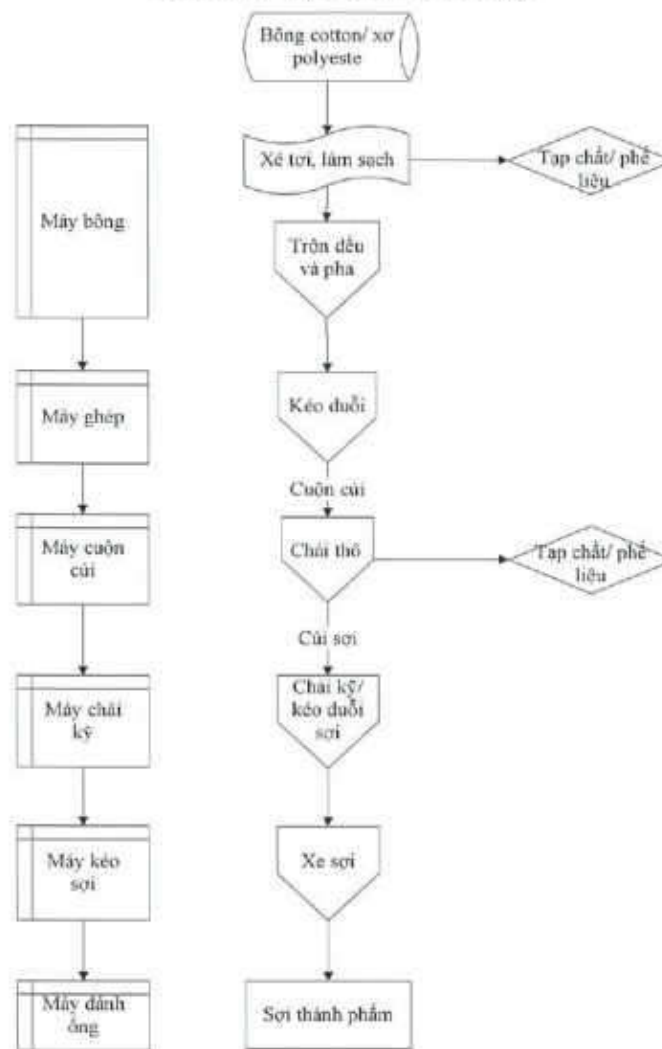
Hình 4: Hình ảnh sản phẩm của Công ty



Sợi CD 40

Với đặc thù của ngành kéo sợi, các sản phẩm và quy trình sản xuất đều được tiêu chuẩn hóa và tự động hóa thông qua các công đoạn sản xuất chủ yếu sau:

Hình 5: Quy trình sản xuất sợi



5.1 Sản lượng sản phẩm

Sản xuất sợi thành phẩm là hoạt động chính của Công ty, chiếm hơn 60% doanh thu và 50% lợi nhuận trong năm 2014. Tuy nhiên, hoạt động này có sự dịch chuyển trong năm 2015 khi Công ty vừa tự sản xuất sợi và vừa thuê gia công sợi (50% doanh thu đến từ sợi tự sản xuất, 27% doanh thu đến từ thuê bên thứ ba gia công), hai hoạt động này chiếm 88% lợi nhuận gộp của Công ty. Bên cạnh việc sản xuất sợi thành phẩm, Công ty còn kinh doanh thương mại nguyên liệu đầu vào gồm bông cotton và xơ polyester với các doanh nghiệp trong nước như Dệt sợi Đạm San, Công ty TNHH TM Hoàng Khang Gia, Công ty TNHH TM Tân Phát...

Ngoài ra phế phẩm đầu ra của quá trình sản xuất sợi bao gồm bông polas, bông thu hồi từ hệ thống điều không của các nhà máy được quay lại sản xuất hoặc bán ra bên ngoài cho các nhà máy sản xuất khăn bông, bit tất, sản xuất vải địa kỹ thuật ...

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng sản phẩm tiêu thụ

Đơn vị: kg

Sản phẩm	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
Sợi các loại đã quy về chỉ số 32	Kg	4.694.520	13.090.408
Bông cotton	Kg	3.814.918	5.502.473
Xơ Polyester	Kg	1.741.461	298.800
Đay	Kg	123.583	-
Bông Polas	Kg	-	-
Phế liệu thu hồi	Kg	429.486	857.584

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản

Cơ cấu doanh thu theo thị trường cho thấy Công ty đang có xu hướng chuyển dịch sang xuất khẩu nhiều hơn. Tỷ lệ xuất khẩu của Công ty đã tăng lên 77% trong năm 2015, gấp gần 7 lần so với số liệu 11,6% trong năm 2013. Sản phẩm sợi của Công ty được tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu sang Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc ... Tuy nhiên, thị phần tại các thị trường có sự dịch chuyển đáng kể do ảnh hưởng của chính sách nhập khẩu, thuế nhập khẩu, cụ thể như sau:

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu sợi theo thị trường

Đơn vị: triệu đồng

Sợi các loại	Năm 2014	Tỷ trọng	Năm 2015	Tỷ trọng
Nội địa	176.912	34%	173.502	23%
Xuất khẩu	336.888	66%	580.149	77%
<i>Trung Quốc</i>	<i>283.344</i>	<i>55%</i>	<i>541.677</i>	<i>72%</i>
<i>Hồng Kông</i>	<i>34.284</i>	<i>7%</i>	-	-
<i>Châu Âu</i>	<i>14.163</i>	<i>3%</i>	<i>8.977</i>	<i>1%</i>
<i>Thổ Nhĩ Kỳ</i>	-	-	-	-
<i>Quốc gia khác</i>	<i>5.097</i>	<i>1%</i>	<i>29.495</i>	<i>4%</i>
Tổng cộng	513.800	100%	753.651	100%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản

Hoạt động thương mại nguyên vật liệu đầu vào bông cotton, xơ polyester chủ yếu được bán cho các doanh nghiệp, hộ gia đình dệt sợi trong nước. Tuy nhiên, Công ty đã giảm dần tỷ trọng hoạt động thương mại này nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động do nhập khẩu bông.

5.2 Nguyên nhiên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào chính là bông cotton, chiếm 70% giá trị thành phẩm, được nhập

khẩu hoàn toàn do đó giá nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có vụ mùa từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/ xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới (Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ ...). Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa kỳ hạn nên chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố về niềm tin, chính sách...

Việc tăng hay giảm số lượng từng loại nguyên liệu căn cứ vào định hướng thị trường (bán hàng) và kế hoạch sản xuất do phòng Kinh doanh và phòng Kế hoạch – Xuất nhập khẩu đưa ra. Công ty duy trì chính sách tồn kho cho một tháng sản xuất, đối với hoạt động thương mại, khối lượng đặt hàng sẽ phụ thuộc vào việc dự đoán thị trường và hạn mức vốn vay lưu động còn lại.

Công ty thường xuyên nhập khẩu nguyên liệu từ một đến hai nhà cung cấp với số lượng thường xuyên, ổn định, có thể cam kết nhập số lượng nhất định tùy vào từng nhà cung cấp. Các nhà cung cấp khác mua với số lượng nhỏ hoặc không thường xuyên, chủ yếu bù vào số lượng khi nhà cung cấp chính không thể cung cấp, hoặc giá cạnh tranh hơn hoặc khi tăng năng suất nhà máy cần bổ sung thêm nguyên liệu đầu vào...

5.3 Chi phí sản xuất

Bảng 4: Cơ cấu chi phí kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng năm 2016	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	761.059	90,7%	842.833	87,5%	754.866	91,3%
Chi phí tài chính	29.680	3,5%	37.346	3,9%	37.850	4,6%
Chi phí bán hàng	6.250	0,7%	9.155	1,0%	4.917	0,6%
Chi phí QLDN	6.765	0,8%	17.332	1,8%	17.171	2,1%
Tổng cộng	803.754		906.666		814.804	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và 2015, báo cáo soát xét 9 tháng 2016 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

5.4 Trình độ công nghệ

Trình độ công nghệ và hệ thống máy móc thiết bị của công ty đều ở trình độ hiện đại của công nghệ kéo sợi, chủ yếu là máy móc thể hệ mới được nhập khẩu của các hãng cung cấp thiết bị uy tín. So với các doanh nghiệp khác, Fortex có ưu điểm là các hệ thống tự động hóa

so với nhiều doanh nghiệp kéo sợi hiện nay còn dùng thiết bị công nghệ lạc hậu sản xuất những năm 80-90 của thế kỷ trước.

Bảng 5: Một số máy móc thiết bị của Công ty tại Nhà máy số 3

STT	Máy móc	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất
1	Hệ thống dây cung bông			
1.1	Dây cung bông			
	Đầu xé Rieter A11	01 máy	Thụy Sĩ	2009
	Máy xé sơ bộ Rieter B12	01 máy	Thụy Sĩ	2009
	Máy lọc kim loại Jossi	01 máy	Thụy Sĩ	2009
	Máy trộn Rieter B71	02 máy	Thụy Sĩ	2009
	Máy xé mịn Rieter B60	02 máy	Thụy Sĩ	2009
	Máy lỏng tự Rieter A21	02 máy	Thụy Sĩ	2009
1.2	Máy lọc sơ ngoại lai Jossi	02 máy	Thụy Sĩ	2009
1.3	Máy chải thô			
	Lakshmi LC 300A-V3	02 máy	Ấn Độ	2009
	Rieter C60S	13 máy	Thụy Sĩ	2009
2	Máy ghép			
2.1	Máy ghép 1			
	FA306A	01 máy	Trung Quốc	2009
	Rieter SB-D11	05 máy	Thụy Sĩ	2009
	Máy cuộn cúi omegalap 111 Rieter E35	02 máy	Thụy Sĩ	2009
	Máy chải kỹ Rieter E66	14 máy	Thụy Sĩ	2009
2.2	Máy ghép 2			
	Toyota DX8	01 máy	Nhật Bản	2009
	Rieter RSB-D40	06 máy	Thụy Sĩ	2009
3	Máy sợi thô HY492C	11 máy	Trung Quốc	2009
4	Máy sợi con Rieter G35	28 máy	Thụy Sĩ	2009
5	Máy đánh ống Muratec No.21C	11 máy	Nhật Bản	2009
6	Hệ thống điều không	1 hệ thống	Trung Quốc	2009
7	Thiết bị phòng thí nghiệm			
	Máy Uster Tester 5	01 máy	Thụy Sĩ	2009
	Máy quay sợi con. sợi ống Lishi YG086D	01 máy	Trung Quốc	2009
	Cân điện tử TX223L	01 máy	Trung Quốc	2009
	Máy đo độ bền sợi thô Asano No.1916	01 máy	Nhật Bản	2009
	Máy quay băng đen Lishi YG381A	01 máy	Trung Quốc	2009
	Cân điện tử Xingyun	01 máy	Trung Quốc	2009
	Máy sấy Y802	01 máy	Trung Quốc	2006

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản

Hình 6: Một số hình ảnh máy móc thiết bị của Công ty



Hệ thống máy ghép, máy chải thô



Hệ thống cấp bông



Hệ thống cấp bông

5.5 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Công ty có bộ phận Kỹ thuật tại các nhà máy chuyên thực hiện nghiên cứu phát triển sản xuất các loại sợi mới hoặc nghiên cứu các biện pháp quản lý kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của máy móc thiết bị hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm.

5.6 Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Với mục tiêu hiệu quả trong hoạt động sản xuất và đảm bảo sự phát triển bền vững. Công ty đang nghiên cứu tiến khả thi để đưa vào áp dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP (Enterprise Resource Planning - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) của SAP. Ngoài ra, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 cũng được áp dụng trong hoạt động của Công ty.

Hình 7: Quy trình kiểm tra chất lượng

Lưu đồ	Mô tả chi tiết	Người th.hiện	Yêu cầu	Biểu mẫu
Lấy mẫu kiểm tra chất lượng	QLCL các nhà máy theo chu kỳ đã qui định lấy mẫu kiểm tra chất lượng	QL CL nhà máy	Theo qui định lấy mẫu	
Kiểm tra chất lượng	Bộ phận QLCL nhà máy kiểm tra các chỉ tiêu qui định có thiết bị kiểm tra tại nhà máy. Bộ phận QM trung tâm kiểm tra các chỉ tiêu có thiết bị tại trung tâm.	QL CL nhà máy	Theo qui định về kiểm tra chất lượng	Số kết quả TN
Xử lý kết quả	Đối với các kết quả không đạt chất lượng phải thực hiện hiệu chỉnh (bảo PM theo qui trình xử lý máy không đạt chất lượng nếu cần) sau đó lấy lại mẫu đến khi đạt mới thôi.	QL CL nhà máy	Theo tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng	Số kết quả TN
Ghi nhận chất lượng trên SAP	Tất cả các kết quả số liệu của mỗi lần thực hiện đều được ghi nhận ngay lên hệ thống SAP sau khi thí nghiệm	QL CL nhà máy		
Lưu hồ sơ	Lưu kết quả kiểm tra	QL CL nhà máy		Số kết quả TN

Song song với việc đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, Công ty còn đầu tư trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát chất lượng USTER 5 và đội ngũ kỹ sư lâu năm nhiều kinh nghiệm.

Hình 8: Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty

Máy kiểm tra sản phẩm Uster Tester



Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm

5.7. Hoạt động Marketing

Hiện tại, Công ty đang duy trì mạng lưới khách hàng nội địa truyền thống thông qua các chính sách ưu đãi thương mại khi bán hàng, hội nghị khách hàng lớn hàng năm.

Đối với mạng lưới khách hàng nước ngoài, Công ty sử dụng mạng lưới bán hàng online trên các website nước ngoài như Alibaba, Google. Đồng thời, Công ty cũng tham gia vào hiệp hội bông sợi Việt Nam. Hiệp hội bông sợi Mỹ ...

Năm 2013, Công ty chính thức được gia nhập Chương trình chuỗi cung ứng của Hiệp hội Bông Mỹ (CCI) nhằm tận dụng các chính sách ưu đãi khi nhập khẩu bông có xuất xứ từ Mỹ, phát triển mạng lưới đối tác và tham gia các chương trình quảng bá sản phẩm/ xúc tiến thị trường quốc tế do Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) tài trợ. Đây cũng là một trong những thị trường quan trọng mà Công ty hướng tới nhằm đón đầu Hiệp định TPP.

5.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đã đăng ký và được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 211203 có hiệu lực từ năm 2013 đến năm 2022. Biểu tượng của Công ty:

FORTEX

Until Perfect

5.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được lý kết

Hiện nay Công ty đang bán hàng với một số đối tác như sau:

Bảng 6: Danh sách hợp đồng đang được thực hiện

Stt	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Giao dịch	Giá trị hợp đồng đã thực hiện (VND)
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	2015 – 2016	Bông, xơ, sợi và nguyên liệu phụ	320.679.884.981
2	Công ty CP Dệt sợi DamSan	2015 - 2016	Bông và sợi CD32	49.472.059.821
3	China SDIC International Trade Co., Ltd	2015 – 2016	Sợi CD32	45.194.798.893
4	Chongqing Yangfan Trading Co., Ltd	2015 - 2016	Sợi CD28	38.754.442.670
5	Công ty TNHH TM Hoàng Khang Gia	2015 – 2016	Bông và phế	35.252.929.350
6	Hengfeng Hongkong Co., Ltd	2015 - 2016	Sợi CD32	34.284.032.360
7	Wuhu Fuchun Dye And Weave co., LTD	2015 – 2016	Sợi CD32 và CM32	34.657.499.946
8	XIAMEN	2015 – 2016	Sợi CD32	29.476.217.673
9	Công ty Cổ phần Tân An	2015 – 2016	Bông	29.184.443.376
10	Jingzhou furuiyuan textile Co.,LTD	2015 – 2016	Sợi CD28 và CD40	20.438.471.260
11	Ningbo Yuyo International Trade Co., Ltd	2015 – 2016	Sợi CD32	20.438.471.260
12	Công ty cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Dacutex	2015 – 2016	Bông và sợi TCM	17.247.247.040
13	China SDIC resources Co.,LTD	2015 – 2016	Sợi CD32 và CD40	15.304.488.563
14	Anhui Time Technology Co., Ltd	2015 – 2016	Sợi CD32 và CD40	14.400.460.955
15	Kelisha garments & weaving Co.,LTD JinJiang	2015 – 2016	Sợi CD32	13.462.704.539

Stt	Tên khách hàng	Thời gian thực hiện	Giao dịch	Giá trị hợp đồng đã thực hiện (VND)
16	Công ty TNHH TM Tân Phát	2015 – 2016	Sợi TCM30 và TCM45	11.689.183.345
17	Ningbo CIMEI Import and Export Co., Ltd	2015 – 2016	Sợi CD40	10.311.571.890
18	Công ty cổ phần đầu tư 3GR	2015 – 2016	Bông	9.263.262.799
19	C & D Logistics group Co.,ltd	2015 – 2016	Sợi CD30 và CD32	7.641.040.679
20	Công ty TNHH vận tải Minh Phúc	2015 - 2016	Sợi TCM	7.366.369.650

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016

6.1 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016

Bảng 7: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm (2015 so với 2014)	9 tháng năm 2016
Tổng giá trị tài sản	561.702	1.476.333	162,80%	1.583.907
Vốn cổ phần đã góp	150.000	500.000	233,30%	500.000
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	27.253	23.059	-15,40%	24.661
DTT	839.020	962.846	14,80%	826.670
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.962	120.014	53,90%	71.804
LN khác	4.170	12.692	204,40%	1.550
LNTT	42.808	79.322	85,30%	23.990
LNST	42.098	69.882	66,00%	22.448
ROE (hệ số LNST/VCSH bình quân)	28,06%	20,53%	-23,40%	
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá	0%	9,5%		

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản

Doanh thu của Công ty tiếp tục tăng trưởng qua các năm, đến 9 tháng năm 2016 doanh thu đạt 823 tỷ tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái, dự kiến doanh thu năm 2016 đạt 1.100 tỷ đồng tăng 15% so với năm 2015, trong năm 2015 tăng gần 15% so với năm 2014. Mức lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể đối với mảng sợi từ tỷ lệ 9% năm 2014 lên 12,5% năm 2015 phản ánh hiệu quả của các biện pháp quản lý kỹ thuật và tài chính của Công ty. Tuy nhiên đến 9 tháng năm 2016 tỷ lệ này còn lại 8.5% vì lý do trong các tháng đầu năm 2016, giá dầu thô giảm liên tục có thời điểm còn dưới 30USD/thùng, do đó giá sản phẩm sợi tự nhiên từ bông mà doanh nghiệp đang sản xuất bị cạnh khốc liệt bởi sợi nhân tạo có nguồn gốc từ dầu mỏ buộc doanh nghiệp phải giảm giá bán để cạnh tranh với sản phẩm này.

Lợi nhuận thuần năm 2015 đạt 69,8 tỷ đồng tăng 64% so với năm 2014. Tuy nhiên đến 9 tháng đầu năm lợi nhuận thuần chỉ đạt 22,4 tỷ đồng giảm gần 50% so với cùng kỳ năm 2015. Mặc dù doanh thu 9 tháng năm 2016 tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng lợi nhuận thuần lại giảm 50% so với cùng kỳ, vì lý do giá bán sản phẩm thấp hơn so với cùng kỳ làm cho lãi gộp thấp, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm đáng kể do với cùng kỳ, ngoài ra, trong năm 2015 doanh nghiệp đầu tư và đến năm 2016 đưa vào hoạt động thêm một phân xưởng mới làm phát sinh chi phí tài chính tăng 22.7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

Theo Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, Bộ Công Thương nêu rõ sẽ “phát triển ngành Dệt may trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm, mũi nhọn về xuất khẩu; thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu tiêu dùng trong nước” và “Tăng tỉ lệ nội địa hóa”. Các giải pháp thị trường bao gồm “Xây dựng chương trình phát triển cây bông, trong đó ưu tiên xây dựng các vùng trồng bông có tuổi tại các tỉnh có tiềm năng;” “Xây dựng các trung tâm cung ứng nguyên phụ liệu tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn để cung ứng kịp thời nguyên phụ liệu cho các doanh nghiệp trong ngành”. Đây là những tiền đề rất quan trọng cho việc phát triển ngành dệt may và sợi của Việt Nam.

Bông – nguyên liệu chiếm đến hơn 70% giá thành – đang ở mức giá đáy và giá sợi đang trên đà hồi phục với kỳ vọng các nền kinh tế lớn như Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc sẽ có sự chuyển biến tích cực hỗ trợ cho nhu cầu hàng may mặc nói chung.

Giá nhân công Việt Nam vẫn ở mức thấp. Lương bình quân cơ bản của người lao động Việt Nam chỉ đạt 3,1 triệu đồng/tháng xấp xỉ USD150/tháng, thấp hơn rất nhiều so với Trung Quốc.

Công ty được sáng lập và điều hành bởi những người có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong ngành sợi, có nhiều mối quan hệ với các khách hàng và nhà cung cấp lớn trên thế giới.

❖ Khó khăn

Vốn đầu tư lớn, trong khi việc mua sắm trang thiết bị đều là nhập khẩu từ nước ngoài và Công ty phải thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, nên biến động của tỷ giá trên thị trường tiền tệ có ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch vốn và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên theo kế hoạch 2015, Công ty không tiến hành gia tăng cọc sợi, chỉ tập trung tăng cường hiệu suất sản xuất.

Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu tập trung tại Trung Quốc. Mặc dù là một thị trường lớn, nhưng việc quá phụ thuộc vào một nguồn đầu ra có thể gây ra nhiều ảnh hưởng bất lợi với Công ty nếu thị trường có chuyển biến xấu. Do đó Công ty đã lên kế hoạch phát triển thêm các thị trường Hàn Quốc, Malaysia và Philipin để chủ động hơn trong việc tiêu thụ sản phẩm.

Ngoài bông là nguyên liệu đầu vào chính, giá thành sản phẩm của Công ty còn bao gồm các chi phí chính như chi phí điện, nhân công và cước vận tải. Theo đó, trong kế hoạch 2015 giá điện và chi phí lương cơ bản theo quy định của Nhà nước sẽ được điều chỉnh theo hướng tăng. Đối với giá cước vận tải, mặc dù giá nhiều loại đầu vào đang ở mức thấp so với các năm trước nhưng giá cước không có xu hướng giảm và vẫn ở mức ổn định như hiện nay. Đây là các yếu tố biến động có thể làm tăng giá thành sản xuất và giảm lợi nhuận của Công ty.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**7.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Theo thống kê của Hiệp hội Bông sợi Việt Nam (VCOSA), tính đến cuối năm 2013, ngành dệt may có hơn 100 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kéo sợi cho tổng sản lượng 720.000 tấn, với 6,1 triệu cọc sợi và chiếm 2,1% năng lực sản xuất của thế giới (250 triệu cọc). Thị trường cung ứng xơ sợi của Việt Nam hiện nay có thể chia làm 3 nhóm chính bao gồm (i) các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (ii) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và (iii) các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt, là một trong những đơn vị sở hữu số lượng cọc sợi lớn của khu vực miền Bắc, hệ thống máy móc được đầu tư nhập khẩu mới từ 2014 – 2016 với tỷ lệ tự động hóa cao.

Bảng 8: Thông tin về các doanh nghiệp trong cùng ngành

	Số cọc sợi	Sản lượng (tấn/năm)	Doanh thu	LNST	VCSH	ROE
Dệt may Huế	60.000	12.000	1.480.822	44.064	139.218	31,65%
Dệt may Thăng Lợi	90.000	8.000	171.465	5.412	46.071	11,75%
Sợi Trà Lý	46.000	6.480				N/A
Sợi Đam San		18.600	1.431.000	37.490		N/A
Sợi Thế Kỳ		52.000	1.035.487	71.321	689.777	10,3%
Sợi Thiên Nam	173.000	33.600				
Sợi Fortex	102.000	16.870	963.106	69.881	529.755	13,19%

Nguồn: Số liệu khảo sát doanh nghiệp của BVSC

Tính đến thời điểm hiện tại, mới chỉ có 04 doanh nghiệp đã từng đại chúng là CTCP Dệt sợi Đam San, CTCP Sợi Trà Lý, CTCP Sợi Thế Kỳ và Công ty Cổ phần Dệt Phú Bài. Tuy nhiên, CTCP Dệt Sợi Thế Kỳ lại thuộc nhóm sợi nhân tạo là sản phẩm dầu khí – sợi filament. Ngoài ra trên Sở giao dịch cũng chưa có cổ phiếu của doanh nghiệp sợi niêm yết, vì thế nếu niêm yết thành công, cổ phiếu của Công ty có thể là hàng hóa hấp dẫn nhà đầu tư trong giai đoạn mới ra thị trường.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam hiện là nước xuất khẩu dệt may lớn thứ 5 trên thế giới - ngành dệt may là ngành kinh tế mũi nhọn với gần 4.000 doanh nghiệp, thu hút gần 2,5 triệu lao động. Mặc dù tình hình kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, giá trị xuất khẩu các sản phẩm dệt may của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng trong năm 2015 đạt 22,8 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2014. Giá trị xuất khẩu các sản phẩm dệt may 10 tháng đầu năm 2016 đạt 19,7 tỷ USD, tăng 4,1%.

Trong 10 tháng đầu năm 2016, xuất khẩu dệt may của Việt Nam qua thị trường Mỹ tăng trưởng 4,4% đạt hơn 9,5 tỉ đô la Mỹ. Đó là thành tích đáng khích lệ trong điều kiện thị phần các nước xuất khẩu vào Mỹ đều giữ ổn định, thậm chí giảm nhẹ trong năm vừa qua. Không chỉ Hoa Kỳ, các thị trường trọng điểm khác của dệt may Việt Nam là EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, dệt may Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ổn định.

7.3 So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các công ty cùng ngành

Tại thời điểm hiện tại, chưa có doanh nghiệp nào trong ngành sợi tiến hành niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, vì thế các công ty đem ra so sánh chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dệt may và may mặc.

Bảng 9: Tình hình tài chính tại 31/12/2015 của các công ty cùng ngành

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh nghiệp	Mã CK	DTT	LNST	EPS cơ bản (VND)	P/E hiện tại	GTSS	ROE	SLCPNY
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	NPS	42.458	366	168	28,18	15.450	1,7%	2.170.000
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	TET	41.077	13.638	2.391	10,28	12.810	23,9%	5.702.940
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	TNG	1.925.407	75.343	3.624	5,04	14.590	25,5%	20.788.427
Công ty Cổ phần SX-TM May Sài Gòn	GMC	1.501.804	68.167	5.876	6,88	19.920	58,3%	11.641.070
Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	TCM	2.791.895	153.530	3.124	6,74	18.110	31,2%	49.099.501
Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ	STK	1.035.436	71.833	1.540	17,92	14.830	15,4%	46.535.835

Nguồn: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh

7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngày 11 tháng 04 năm 2014, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3218/QĐ-BCT về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó nêu rõ quan điểm phát triển “Lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường nội địa. **Tập trung phát triển mạnh các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất nguyên phụ liệu, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm trong ngành**”¹. Theo đó, mục tiêu tăng trưởng đối với nhóm sản phẩm sợi (kéo từ xơ cắt ngắn) lần lượt là 0,9 triệu tấn, 1,3 triệu tấn và 2,2 triệu tấn năm 2015, 2020 đến 2030². **Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – tỉnh Thái Bình** nằm trong những khu vực trọng điểm phát triển các nhà máy sợi, dệt, nhuộm của cả nước³.

Như vậy, lĩnh vực hoạt động hiện tại cũng như định hướng mở rộng công suất các nhà máy sợi của Công ty trong tương lai không những phù hợp với quy hoạch chung của ngành mà còn có thể tận dụng được các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể của Chính phủ và tỉnh Thái Bình trong thời gian tới.

Xét trên xu thế phát triển thị trường dệt may của Việt Nam, dệt may là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong những năm qua. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành dệt may trong giai đoạn 2008 - 2013 đạt 14,5%/năm, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu dệt may nhanh nhất thế giới⁴. Hiện tại, với 3 hiệp định tự do thương mại gồm (i) Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) (ii) Hiệp định FTA EU – Việt Nam và (iii) Hiệp định FTA- Hàn Quốc (đã hoàn tất đàm phán) được đánh giá là có khả năng thúc đẩy mạnh mẽ sự tăng trưởng của ngành dệt may Việt Nam trong thời gian tới do được hưởng nhiều ưu đãi thuế quan, chính sách hải quan ... tạo vị thế cạnh tranh cho Việt Nam trên thị trường quốc tế hơn so với các quốc gia đối thủ trong ngành như Trung Quốc, Ấn Độ ...

Với định hướng phát triển đồng thời cả thị trường nội địa cho các doanh nghiệp dệt may truyền thống trong nước cũng như thị trường xuất khẩu cho các quốc gia thuộc các hiệp định đàm phán nêu trên như Hàn Quốc, Mỹ Công ty kỳ vọng cơ hội gia tăng thị phần tại thị trường nội địa và xuất khẩu là khá chắc chắn và ổn định bởi các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nói riêng và các doanh nghiệp trong khuôn khổ hiệp định muốn đạt được mức thuế suất xuất khẩu vào các thị trường lớn là 0% phải đáp ứng được yêu cầu xuất xứ từ **sợi trở đi** (có

¹ Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/04/2014

² Khoản 2b, Điều 1, Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/04/2014

³ Khoản 3, Điều 1, Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11/04/2014

⁴ Nguồn: Hiệp hội Dệt may Việt Nam

nghĩa các khâu từ kéo sợi - dệt - nhuộm - hoàn tất và may phải được thực hiện tại các nước thành viên TPP) hoặc yêu cầu từ vải trở đi (đối với hiệp định FTA Việt Nam – EU).

8. Chính sách đối với người lao động

Hiện tại Công ty đang có 912 lao động, trong đó lao động thuộc khối văn phòng là 102 người, lao động trực tiếp tại các phân xưởng là 810 người.

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

❖ Chế độ làm việc

Đối với nhân viên quản lý, khối văn phòng, bộ phận lao động gián tiếp bộ phận thí nghiệm, bộ phận điều không, bộ phận suốt da làm việc 6 ngày/ tuần và 8h/ngày.

Công nhân công nghệ làm việc theo ca, trong đó 1 ngày có 3 ca, 8h/ca.

Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt

❖ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng cố định còn được thưởng căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như tiền ăn ca, tiền lễ tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Tạo cho người lao động yên tâm dè gấn bó và làm việc hết mình cho doanh nghiệp. Hàng năm Công ty đều tổ chức đánh giá định kỳ năng lực, khả năng hoàn thành công việc của cán bộ nhân viên để thực hiện nâng lương, thưởng 1 tháng lương là Tháng thứ 13 để khuyến khích mọi thành viên nỗ lực phấn đấu trong công việc.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến trong hoạt động đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty.

❖ Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác. Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

Hỗ trợ kinh phí đào tạo trong và ngoài nước cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.

Hàng quý đều tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật.

Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan.

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

Lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty

Trong giai đoạn trước đây, Công ty chưa chi trả cổ tức mà dùng để tái đầu tư.

10. Trích lập các quỹ theo quy định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần theo điều lệ công ty và luật doanh nghiệp năm 2014. Việc trích lập và sử dụng các quỹ sẽ được tiến hành cụ thể hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

11. Tình hình tài chính của Công ty

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Bảng 10: Chính sách trích khấu hao các loại tài sản

Tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	8 – 22 năm
Máy móc thiết bị	5 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	8 năm

❖ **Mức lương bình quân**

Mức lương bình quân của Công ty trong năm 2015 ước đạt khoảng 4,1 triệu đồng/tháng.

❖ **Hàng tồn kho**

Bảng 11: Hàng tồn kho của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Thành phẩm	16.888	61.285	74.093
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.163	9.734	6.855
Hàng mua đang đi trên đường	7.232	25.325	0
Hàng hóa	2.548	15.787	25.223
Công cụ và phụ tùng thay thế	1.521	17.831	1.685
Nguyên liệu vật liệu tồn kho	807	48.590	105.523
Phế liệu thu hồi	652	1.079	
Tổng cộng	32.811	179.631	213.381

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và 2015, báo cáo soát xét 9 tháng 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm nguyên vật liệu như bông cotton, được nhập cho 1 tháng sản xuất và thành phẩm sợi. Số ngày tồn kho bình quân của nguyên vật liệu là 3 tháng sản xuất.

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tính đến thời điểm 31/12/2015 và đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào phải trả trên 1 năm.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật.

Bảng 12: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Thuế giá trị gia tăng	26.542	12.189	12.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp	710	10.150	10.150
Thuế thu nhập cá nhân	-	720	0
Tổng cộng	27.252	23.059	23.035

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và 2015, báo cáo soát xét 9 tháng 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 13: Dư nợ vay và nợ của Công ty tại các thời điểm

Đơn vị: triệu đồng

Đối tượng	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hải Phòng	58.770	55.172	48.297
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội	54.284	144.410	243.776
Vay dài hạn đến hạn trả	7.155	46.530	76.956
Ngân hàng Phát triển Việt Nam VDB - Chi nhánh Thái Bình	4.800	15.200	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội	2.355	31.330	
Tổng cộng vay ngắn hạn	126.174	246.112	369.031
Vay dài hạn			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam VDB - Chi nhánh Thái Bình	100.591	382.949	352.959
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội	47.792	82.144	74.955
Tổng cộng vay dài hạn	148.383	465.093	427.914

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, báo cáo soát xét 9 tháng 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Hiện tại, Công ty đang có dư nợ tại thời điểm **30/09/2016** với các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng sau:

Ngân hàng	Hợp đồng tín dụng
BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội	Số 01/2015/1497403/HĐTD ngày 8/06/2015 có thời hạn 01 năm. Số 150/2007/0320 ngày 6/03/2007 có kỳ trả gốc cuối là quý 4 năm 2018 Số 150/2006/151 ngày 13/02/2006 có kỳ trả gốc cuối là quý 4 năm 2017
HD Bank - Chi nhánh Hải Phòng	Số 0597HĐTDHM-DN/099 ngày 30/03/2015 có thời hạn 1 năm.
VDB - Chi nhánh Thái Bình	Số 03/2007/HĐTD ngày 10/01/2007 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HDTDDT-NHPT ngày 31/12/2014. Đáo hạn ngày 31/01/2023 Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/PL/HĐTD ngày 13/06/2007 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31/12/2014. Đáo hạn ngày 31/01/2023 Số 08/2008/HĐTD ngày 26/03/2008. Đáo hạn ngày 31/01/2025 Số 01/2011/HDTDDT-NHPT ngày 28/01/2011. Đáo hạn ngày 31/01/2025

❖ Các khoản phải thu

Bảng 14: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Phải thu từ khách hàng ngắn hạn	42.524	159.455	312.799
Phải thu các bên liên quan (*)	97.289	99.534	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.022	12.118	67.095
Trả trước cho các bên liên quan	-	6.862	16.287
Tổng cộng	148.835	277.969	396.181

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và 2015, báo cáo soát xét 9 tháng 2016
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản*

(*) Ghi chú về các khoản phải thu của bên liên quan:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm 2014	Năm 2015
----------	-------------	-----------	----------	----------

Chỉ tiêu	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm 2014	Năm 2015
Công ty cổ phần Tập đoàn Đại Cường	Công ty cùng chủ sở hữu	Bán hàng hóa	14.788	
Công ty Cổ phần Tân An	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	59.103	37.715
Công ty CP Thương mại Dacutex	Biên liên quan khác	Bán hàng hóa	16.474	8.461
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Phú	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	3.467	14.218
Công ty TNHH Vĩnh Phát	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	3.466	
Công ty CP Đầu tư 3GR	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa		19.139
Tổng cộng			97.289	99.533

Bên liên quan chủ yếu là các công ty mà Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân có góp vốn hoặc nắm giữ vị trí lãnh đạo tại các công ty này.

Các khoản phải thu có khuynh hướng tăng dần qua các năm từ 2014 đến nay do các nguyên nhân chủ yếu như sau:

Doanh thu bán sản phẩm của Fortex tăng mạnh qua các năm do đơn hàng nhiều hơn, khách hàng cũng nhiều hơn làm ảnh hưởng tới công tác thu hồi công nợ của công ty.

Đến thời điểm hiện tại thị trường sạt đã tốt hơn so với các tháng đầu năm nên công ty sẽ chủ trương đàm phán lại các điều khoản thanh toán của hợp đồng cũ cũng như các hợp đồng mới theo hướng tích cực hơn để thời gian thu hồi công nợ được sớm hơn.

Trong năm 2015 Fortex tăng vốn dưới hình thức góp vốn bằng tài sản từ cổ đông là Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Cường bao gồm toàn bộ các tài sản trong đó có công nợ của Đại Cường chuyển sang Fortex.

❖ **Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Bảng 15: Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm 2014	Năm 2015	30/09/2016
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Cường	Cổ đông	Cho vay	180.000	0	
Ông Lê Mạnh Thường	Cổ đông	Cho vay		49.304	49.304
Ông Phạm Thành Đồng	Cổ đông	Cho vay		27.918	27.918
Ông Phạm Ngọc Toàn	Cổ đông	Cho vay		27.918	27.918

Tổng cộng	180.000	105.141	105.141
------------------	----------------	----------------	----------------

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và 2015, báo cáo soát xét 9 tháng 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Khoản đầu tư nắm giữ này đáo hạn trên phát sinh trong năm 2015 và được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông của công ty ngày 20/09/2015.

Khoản đầu tư trên đã được tất toán vào ngày 05/12/2016, được thể hiện trong báo cáo soát xét 9 tháng năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế thực hiện.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 16: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Phải trả người bán	66.819	120.685	115.804
Người mua trả tiền trước	3.270	912	8.640
Phải trả người lao động	1.277	3.475	3.807
Chi phí phải trả	43.762	9.078	35.333
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.608	4.094	8.527
Chi phí phải trả dài hạn	-	120.600	114.899
Tổng cộng	116.736	258.844	287.010

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và 2015, báo cáo soát xét 9 tháng 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu qua các năm được trình bày qua bảng dưới đây:

Bảng 17: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	9 tháng 2016
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,03	1,44	1,32
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,77	0,99	1,30
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,48	0,41	0,65
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,77	1,32	1,86
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Bình quân hàng tồn kho)	Vòng	8,06	7,93	3,68

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	9 tháng 2016
- DTT/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,53	0,94	0,54
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
- Hệ số LNST/DTT	%	5,02%	7,25%	2,72%
- ROE (hệ số LNST/VCSH bình quân)	%	28,06%	20,57%	4,15%
- ROA (LNST/tổng TS bình quân)	%	7,70%	6,86%	1,47%
- Hệ số LNT từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	4,61%	6,92%	3,96%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 và 2015 và báo cáo soát xét 9 tháng 2016 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 30/09/2016 là 1,32 lần, tại thời điểm cuối năm 2015 đạt 1,44 lần và chỉ số này lớn hơn 1, do đó có thể nói rằng tính an toàn của Fortex là khá cao.

Hệ số thanh toán nhanh tại cuối quý 3/2016 là 1.30 lần cũng lớn hơn 1, điều đó chứng minh được rằng, doanh nghiệp có khả năng thanh toán mọi khoản nợ ngay thời điểm này.

Hệ số nợ /tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015 là 0,41; như vậy trong cơ cấu 1 đồng tài sản được hình thành thì doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ là 0.41 đồng. Tuy nhiên, khoản nợ của doanh nghiệp tập trung ở khoản đầu tư vào máy móc thiết bị, và khoản nợ này sẽ được giảm dần từ nguồn khấu hao và lợi nhuận giữ lại để thanh toán cho ngân hàng. Mặc dù vậy, hệ số nợ/tổng tài sản của doanh nghiệp thấp và tương đối an toàn cho doanh nghiệp.

Vòng quay vốn lưu động bình quân trong các năm vừa qua của doanh nghiệp xoay quanh khoảng 8 lần, với hệ số vòng quay này là không cao so với ngành sản xuất sợi, tuy nhiên, trong các năm trở lại đây do tình hình biến động về giá nguyên liệu đầu vào, trong khi hợp đồng đầu ra là ổn định nên doanh nghiệp chủ trương mua dự trữ để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào và trong trường hợp lên giá công ty cũng sẽ được hưởng lợi.

ROE (hệ số LNST/VCSH bình quân) giảm đều qua các năm từ 28,06% ở năm 2014 xuống 20,57% ở năm 2015, lý do là trong năm 2015 công ty đã tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, vốn điều lệ tăng lên hơn 3 lần, trong khi đó lợi nhuận ròng chỉ tăng 1,5 lần. Vì thông thường khi một nhà máy được đầu tư và đưa vào vận hành sẽ mất khoản thời gian ít nhất từ 1 đến 3 năm để đi vào hoạt động ổn định.

Nhận xét chung:

Hiệu quả kinh doanh ROE các năm vừa qua giảm dần, lý do trong các năm vừa qua doanh nghiệp tăng vốn đáng kể, trong khi nhưng lợi nhuận ròng tăng lên chưa tương xứng. Tuy nhiên, hệ số ROE đều lớn 20%, với hiệu quả này là khá ấn tượng cho mọi doanh nghiệp.

Các tiêu về khả năng thanh toán là tương đối an toàn.

12. Quản trị Công ty

12.1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Xuân Chính	Phó chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT

b. Sơ yếu lý lịch các thành viên

Ông Lê Mạnh Thường

- Họ và tên khai sinh:	Lê Mạnh Thường
- Giới tính:	Nam
- Ngày tháng năm sinh:	09/01/1975
- Nơi sinh:	Thái Bình
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- CMND:	034075000017 ngày cấp 31/01/2013 bởi Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Quê quán:	Thái Bình
- Địa chỉ thường trú:	Phòng 1105 - 83B P Lý Thường Kiệt- Q Hoàn Kiếm - TP Hà Nội.
- ĐT liên lạc ở cơ quan:	(0363) 251 688
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:	
+ Từ năm 2002 – 2006:	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vĩnh Phát; Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân An.
+ Từ năm 2006 – 2013:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinaland
+ Từ năm 2006 – 2016:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Phú Việt

- + Từ năm 2013 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- + Từ 03/2016 – Nay: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Long Hậu
- + Từ 05/2016 – Nay: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Tp.Hồ Chí Minh
- + Từ 07/2016 – Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
- Chức vụ công tác hiện nay tại Fortex:
 - Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.
- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 12.000.000 cổ phần, chiếm 24.00% VDL.
 - Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00 % VDL.
 - + Số cổ phần sở hữu: 12.000.000 cổ phần, chiếm 24.00% VDL.
- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác:
 - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Long Hậu
 - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng Tp.Hồ Chí Minh
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan:

Stt	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số CP sở hữu
1	Bố	Lê Huy Cẩm	151974189	09/04/2008	CA Thái Bình	100.000
2	Con	Lê Thủy Anh	151712715	12/05/2016	CA Thái Bình	10.766.500
3	Anh	Lê Xuân Trường	034066000708	09/02/2015	CA Thái Bình	1.000.000

Ông Hoàng Xuân Chính

- Họ và tên khai sinh: Hoàng Xuân Chính

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/7/1975
- Nơi sinh: 35 Nguyễn Văn Tráng, P.Bến Thành, Q1, TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 025676165, Ngày cấp: 11/1/2013, Tại: TPHCM
- Quê quán: 35 Nguyễn Văn Tráng, P.Bến Thành, Q1, TPHCM
- Địa chỉ thường trú: 35 Nguyễn Văn Tráng, P.Bến Thành, Q1, TPHCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04. 355 99599
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD
- Quá trình công tác:
 - + 8/1997 – 9/2001: Ford Motor Company – Ford Vietnam Kỹ sư
 - + 9/2001 – 5/2004: Ford Motor Company – Ford Vietnam Chuyên gia 6-Sigma Black Belt
 - + 7/2008- 7/2009: Mekong Capital Thành viên HĐQT Công ty CP Thế Giới Di Động (Mã CK: MWG)
 - + 10/2004- 6/2009: Mekong Capital Thành viên HĐQT các công ty: Công ty CP Thế giới số (Mã CK: DGW); Công ty CP Kiến trúc xây dựng AA Corporation, Công ty CP Ngo Han; Công ty CP chế biến gỗ Đức Thành (Mã CK: GDT), Công ty CP tin học Lạc Việt Computer; Công ty CP SXTM Nam Hoa Toys; Công ty CP Goldsun
 - + 6/2004 - 6/2009: Mekong Capital Giám đốc đầu tư Quản lý danh mục đầu tư Quỹ MEF, Quỹ MEF II Chuyên gia cải tiến qui trình cấp cao Chuyên viên phân tích
 - + 6/2009 - 8/2010: Dynasty Investments Giám đốc đầu tư
 - + 10/2010 – 7/2012: Saigon Asset Management Thành viên HĐQT Công ty CP Bao bì nhựa Sài gòn

- + 8/2010- 7/2012: Saigon Asset Management Giám đốc đầu tư Quỹ Vietnam Equity Holdings
- + 7/2012 - 12/2015: Kusto Việt Nam Giám đốc điều hành, Giám đốc quản lý hiệu quả kinh doanh
- + 1/2014- 2/2016: Kusto Group Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Miền Trung Cty Cổ phần (COSEVCO)
- + 8/2014 - 12/2015: Kusto Group Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Tambour Việt Nam
- + 4/2015 – 5/2016: Công ty Cổ phần xây dựng Coteccons (Mã CK: CTD) Thành viên Hội đồng quản trị
- + 1/2016 – nay: Tổng giám đốc TruMan Holdings Vietnam
- + 6/2016 – nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 0 cổ phần
Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
+ Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.
- Chức vụ nắm giữ tại Fortex: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác: Tổng giám đốc TruMan Holdings Vietnam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: 0 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Mai

- Họ và tên khai sinh: Nguyễn Thị Mai
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1973
- Nơi sinh: Tại SN 12 ngõ 326 đường Lý Thường Kiệt tổ 5 phường Trần lãm Thành phố Thái bình

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 151081105, Ngày cấp: 25/08/2005, Nơi cấp: Thái Bình
- Quê quán: Tại SN 12 ngõ 326 đường Lý Thường Kiệt tổ 5 phường Trần lãm Thành phố Thái bình.
- Địa chỉ thường trú: Tại SN 12 ngõ 326 đường Lý Thường Kiệt tổ 5 phường Trần lãm Thành phố Thái bình.
- DT liên lạc ở cơ quan: (84-36) 3845 379
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học kinh tế chuyên ngành kế toán doanh nghiệp sản xuất – Trường đại học tài chính kế toán Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - + 1995 – 7/2000: Nhân viên kế toán Công ty xây lắp 2 Thái bình
 - + 8/2000 – 10/2003: Nhân viên kế toán trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
 - + 11/2003 – 8/2010: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập Đoàn Đại Cường
 - + 8/2010 – 6/2011: Ban quản lý dự án Fortex - ban quản lý dự án của Fortex
 - + 7/2011 – 4/2012: Quản lý bộ phận bán hàng của Fortex - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
 - + 4/2012 – 11/2015: Phó tổng giám đốc Fortex phụ trách bộ phận kế toán tài chính. - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
 - + 1/2016 – 3/2016: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
 - + 4/2016 – Nay: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
 - + 6/2016 – Nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 200.000 cổ phần, chiếm 0.40% vốn điều lệ
 - Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Số cổ phần sở hữu: 200.000 cổ phần, chiếm 0.40% vốn điều lệ.
- Chức vụ nắm giữ tại Fortex: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ

phần đầu tư và phát triển Đức Quản

- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: 0 cổ phần

Ông Nguyễn Hoàng Giang

- Họ và tên khai sinh: Nguyễn Hoàng Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/07/1980
- Nơi sinh: P412- CT20C Khu đô thị Việt Hưng, Giang Biên, Long Biên, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 111541484 Ngày cấp: 03/02/2012 Tại: Hà Nội
- Quê quán: P412- CT20C Khu đô thị Việt Hưng, Giang Biên, Long Biên, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: P412- CT20C Khu đô thị Việt Hưng, Giang Biên, Long Biên, Hà Nội.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04. 355 99599
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 10/2002 – 6/2007: Trưởng bộ phận Chế độ Tài chính & Kế toán tổng hợp – Phòng Tài chính kế toán Bưu điện Hà Nội
 - + 07/2007 - 2/2010: Phó Phòng Tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
 - + 02/2008 – 4/2010: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- + 03/2010 – 2/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội; Phó Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư; Giám đốc khối Tư vấn TCDN Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
- + 04/2010 – 6/2012: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ
- + 03/2012 – 1/2013: Giám đốc Tư vấn Công ty Cổ phần Bamboo Capital
- + 03/2012 – 4/2013: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
- + 02/2013 – 6/2013: Trưởng phòng Tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia
- + 06/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Fideco
- + 08/2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành
- + 09/2015 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- + 10/2015 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0.06% vốn điều lệ.
 Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu.
 + Số cổ phần sở hữu: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0.06% vốn điều lệ.
 - Chức vụ nắm giữ tại Fortex: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - Chức vụ nắm giữ ở công ty khác:
 - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần FIDECO
 - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung
 - Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: 0 cổ phần

Ông Lưu Ngọc Bảo

- Họ và tên khai sinh: Lưu Ngọc Bảo
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 5/6/1983
- Nơi sinh: 2B-8-3 KCH Phú Mỹ, Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q.7, TP. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 023664731 Ngày cấp: 4/4/2014 Tại: TP.HCM
- Quê quán: 2B-8-3 KCH Phú Mỹ, Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q.7, TP. HCM
- Địa chỉ thường trú: 2B-8-3 KCH Phú Mỹ, Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q.7, TP. HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 04. 355 99599
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác:
 - + 2005 - 2008: Công ty TNHH KPMG Phó Phòng Kiểm Toán
 - + 2009 - 2010: VPĐD PXP Vietnam Asset Management Chuyên viên phân tích
 - + 2010 - 2011: CTCP Chứng khoán Sacombank Chuyên viên
 - + 2012 - 2013: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Techcombank Phó Giám Đốc Đầu Tư
 - + 2013 - 2015: Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Kusto Trưởng Bộ phận Phân tích Tài chính
 - + 2015 - 4/2016: Công ty TNHH Tambour Vietnam Phó Tổng Giám Đốc
 - + 5/2016 - nay: Giám đốc tài chính - TruMan Holdings Vietnam
 - + 6/2016 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 0 cổ phần
Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
+ Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.
- Chức vụ nắm giữ tại Fortex: Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác:
Giám Đốc Tài Chính TruMan Holdings Vietnam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: 0 cổ phần

11.2. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Bà Phạm Khánh Tâm

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Vũ Hồng Thái

Thành viên BKS

Bà Nguyễn Thị Lưu

Thành viên BKS

Bà Phạm Khánh Tâm

- Họ và tên khai sinh: Phạm Khánh Tâm
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/09/1985
- Nơi sinh: 299 Bà Triệu, Phường 7, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 221095340, Ngày cấp: 29/9/2007, Tại: Phú Yên
- Quê quán: 299 Bà Triệu, Phường 7, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Địa chỉ thường trú: 299 Bà Triệu, Phường 7, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 0938 167 290
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

- + 9/2007 – 9/2012: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Kiểm toán viên
- + 10/2012 – 4/2015: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Chủ nhiệm kiểm toán
- + 5/2015 – 1/2016: Kusto Cement Holdings Quản lý Tài chính
- + 2/2016 – nay: Trưởng phòng Tài chính & Đầu tư TruMan Holdings Việt Nam
- + 6/2016 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016:
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
+ Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.
- Chức vụ hiện tại nắm giữ tại Fortex:
Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác:
Trưởng phòng Tài chính và Đầu tư TruMan Holdings Việt Nam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: 0 cổ phần.

Ông Vũ Hồng Thái

- Họ và tên khai sinh: Vũ Hồng Thái
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 22/11/1979
- Nơi sinh: Bình Minh - Kiến Xương - Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- CMND: 151272479, Ngày cấp: 14/03/2015 Nơi cấp: Thái Bình
- Quê quán: Bình Minh - Kiến Xương - Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 18 Tổ 22, P. Lê Hồng Phong, TP Thái Bình.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-36) 3845 379
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân điện tử viễn thông
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2012 - 2014: Nhân viên IT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - + Từ 12/2014 - 2016: Phó phòng HCNS Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - + Từ 3/2016 - Nay: Trưởng phòng HCNS Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
 - + Từ 6/2016 - Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng HCNS kiêm Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.
- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 2.000.000 cổ phiếu, chiếm 4.00% vốn điều lệ.
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00 % vốn điều lệ.
+ Số cổ phần sở hữu: 2.000.000 cổ phần, chiếm 4.00% vốn điều lệ.
- Chức vụ nắm giữ tại Fortex: Trưởng phòng HCNS kiêm Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.
- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: 0 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Lưu

- Họ và tên khai sinh: Nguyễn Thị Lưu

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/ 1986
- Nơi sinh: Quang Trung- Kiến Xương-Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 034186003224 Ngày cấp: 27/04/2016 Tại: Công an Quảng Ninh
- Quê quán: Quang Trung- Kiến Xương-Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Bình Dương- Đông Triều-Quảng Ninh.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 0987.810.202
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư ngành Dệt May
- Quá trình công tác:
 - + 2007-2010: Nhân viên thí nghiệm Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
 - + 2010- 2011 Nhân viên thống kê Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
 - + 2011-2012: Phó quản đốc nhà máy Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
 - + Từ năm 2012-Nay: Trưởng phòng kế hoạch Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
 - + Từ 6/2016-Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0.02% vốn điều lệ.
Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu.
+ Số cổ phần sở hữu: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0.02% vốn điều lệ.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Fortex:
 - Trưởng phòng kế hoạch kiêm Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân
- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: 0 cổ phần

11.3 Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Nguyễn Duy Chiến

Ông Lưu Ngọc Bảo

Ông Nguyễn Đức Cảnh

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Giám đốc Tài chính

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Mai

(Xem phần Sơ yếu lý lịch ở mục 1: Thành viên Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Duy Chiến

- Họ và tên: Nguyễn Duy Chiến
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 27/05/1957
- Nơi sinh: Thôn Trà linh, Xã Thụy liên, Huyện Thái thụy, tỉnh Thái bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số hộ chiếu: 034057001063
- Ngày cấp: 09/06/2015 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL- cư trú và DLQG về dân cư
- Quê quán: Thôn Trà linh, Xã Thụy liên, Huyện Thái thụy, tỉnh Thái bình
- Địa chỉ thường trú: Thôn Trà linh, Xã Thụy liên, Huyện Thái thụy, tỉnh Thái bình
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 0968.168.369
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình công tác:
 - + 9/2007 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đức Quân

- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 2.750.000 cổ phần, chiếm 5.50% vốn điều lệ.
- Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
+ Số cổ phần sở hữu: 2.750.000 cổ phần, chiếm 5.50% vốn điều lệ.
- Chức vụ nắm giữ tại Fortex: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đức Quân
- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: 0 cổ phần.

Ông Lưu Ngọc Bảo

(Xem phần Sơ yếu lý lịch ở mục 1: Thành viên Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Họ và tên khai sinh: Nguyễn Đức Cảnh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/08/1980
- Nơi sinh: Đông Sơn - Đông Hưng - Thái Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- CMND: 151411522, Ngày cấp: 24/06/1999, Tại: Công an Thái Bình
- Quê quán: Đông Sơn - Đông Hưng - Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Đông Sơn - Đông Hưng - Thái Bình.
- ĐT liên lạc ở cơ quan: 0963.217.299
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chuyên ngành tài chính, Chứng chỉ kế toán trưởng.
- Quá trình công tác:
+ Từ năm 2014-Nay: Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

- Số cổ phần nắm giữ tại 28/11/2016: 30.000 cổ phần, chiếm 0.06% vốn điều lệ.
Trong đó: + Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
+ Số cổ phần sở hữu: 30.000 cổ phần, chiếm 0.06% vốn điều lệ.
- Chức vụ nắm giữ ở công ty khác : Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 28/11/2016 của những người có liên quan: Không

13. Tài sản

❖ Tài sản cố định hữu hình

Bảng 18: Tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/09/2016

Đơn vị: triệu đồng

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	165.414	15.013	150.400
Máy móc và thiết bị	836.714	192.978	643.735
Phương tiện vận tải	1.622	321	1.300
Thiết bị văn phòng	63	9	54
Tổng cộng	1.003.813	208.323	795.490

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

❖ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 (*)	10.596.218.253	10.275.704.633
Hệ thống phần mềm SAP và server (**)	11.139.458.562	11.139.458.562
Cộng	21.735.676.815	21.415.163.195

(*) Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại Khu công nghiệp Khí mủ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749.772.160 đồng, dự kiến đến quý 2 năm 2017 sẽ đưa vào hoạt động.

(**) Theo biên bản góp vốn ngày 29 tháng 12 năm 2015 và biên bản giao nhận tài sản góp vốn ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường đã góp vốn vào Công ty bằng chi phí đầu tư hệ thống phần mềm SAP và server đi kèm. Tại ngày 30 tháng 09

năm 2016, Công ty vẫn đang trong quá trình phát triển tiếp hệ thống này trước khi đưa vào vận hành chính thức.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Ước kế hoạch doanh thu và lợi nhuận Quý 4/2016 lần lượt là 333.689.018.259 đồng, 16.513.225.557 đồng, ước kết quả kinh doanh cả năm 2016 có tổng doanh thu thuần là 1.160.876.913.611 đồng lợi nhuận thuần 40.503.836.023 đồng.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015, thực tế 9 tháng năm 2016 và ước cả năm 2016 cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2018 với các chỉ tiêu như sau:

Bảng 1919: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016 - 2018

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	500.000	500.000	500.000
2.	Doanh thu thuần	1.169.877	1.481.512	1.690.315
3.	Lợi nhuận sau thuế	40.503	82.227	125.879
4.	EPS	810	1.685	2.518
5.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu	8,1%	18,6%	25,2%
6.	Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	5%	10%	10%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

❖ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Giai đoạn 2016 - 2018 Công ty sẽ tập trung vào thị trường xuất khẩu với sản lượng xuất khẩu tối thiểu là 75% và tối đa là 85% đồng thời với việc chuyên biệt hóa sản phẩm cho các thị trường tại từng nhà máy. Cụ thể, nhà máy số 1 sẽ tập trung sản xuất sợi CD28 và CD32 cho thị trường Trung Quốc, nhà máy số 2 sẽ tập trung sản xuất nhóm sợi CD32, CM32 cho thị trường Hàn Quốc, Trung Quốc và Hồng Kông, trong khi nhà máy số 3 sẽ sản xuất 4 loại sợi CM32, CM40, CD60, CD32 cho thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông.

Vi giá của sản phẩm sợi phụ thuộc hoàn toàn vào giá nguyên liệu bông của thế giới, do đó, Fortex sẽ không ký hợp đồng dài hạn và cố định giá với bất kỳ khách hàng nào mà chỉ ký đơn hàng tại thời điểm. Và lại số lượng khách hàng mua sợi hiện nay của Fortex là rất lớn bao gồm các khách hàng truyền thống và các khách hàng mới, do vậy, các nhà máy của công ty đã chạy hết công suất nhưng vẫn chưa đủ sản phẩm để cung cấp cho khách hàng.

Đến thời điểm cuối năm 2016 hệ thống dây chuyền công nghệ mới đưa vào vận hành nên

chưa đạt được công suất như mong muốn khoảng đạt khoản 12.000 tấn, đến năm 2017 dự kiến sẽ đạt 18.000 tấn và năm 2018 sẽ đạt 23.900 tấn.

Thêm vào đó, các nhà máy mới đưa vào hoạt động sẽ ưu tiên sản xuất các loại sản phẩm có giá trị cao CD60, CD80 nhằm tăng lợi nhuận biên của sản phẩm thay vì các nhà máy trước đây chỉ tập trung vào các sản phẩm bình dân giá trị thấp.

Đến cuối năm 2016 Fortex đã thu hồi khoản cho vay 105.141.190.297 đồng, các khoản nợ phải thu khách hàng cùng với nguồn khấu hao để thanh toán một phần nợ vay của công ty, do vậy trong năm 2017 chi phí tài chính của Fortex sẽ được giảm đáng kể và điều này sẽ làm cho lợi nhuận của Công ty tăng lên.

Về mạng lưới bán hàng, Công ty sẽ mở thêm văn phòng đại diện tại Trung Quốc để mở rộng thị trường nội địa Trung Quốc sang một số tỉnh mới như Vũ Hán, Trịnh Châu thay vì tập trung vào thị trường Thượng Hải và từng bước tiếp cận thêm một thị trường Philipin, Hàn Quốc, Sri Lanka và Malaysia.

Về hoạt động đầu tư: Công ty đã đầu tư thêm nhà máy sản xuất 50.000 cọc sợi vào cuối năm 2015 đã đưa vào sản xuất đầu năm 2016, và dự kiến trong đầu năm 2017 Công ty sẽ đầu tư mới một dây chuyền sản xuất mới hoặc mua lại dây chuyền sản xuất của một đối tác tại Thành phố Hồ Chí Minh để đặt tại nhà máy 1 của Công ty, nhằm tận dụng được nhà xưởng chưa sử dụng hết của doanh nghiệp.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho BVSC và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và năng động trong ngành. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua tương đối tốt.

Trước tình hình khả quan về tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và ngành của Công ty nói riêng và những lợi thế riêng có, Công ty đã chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh và đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, nâng cao trình độ quản lý và chất lượng dịch vụ.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân phụ thuộc vào tình hình thị trường của các mảng hoạt động kinh doanh nêu trên. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo Công ty về thị trường là sát với thực tế và không có

những biến động nghiêm trọng ảnh hưởng đến các lĩnh vực kinh doanh cũng như các mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật

Căn cứ quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Chi tiết như sau:

Loại cổ đông	Số thứ tự	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu		Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ		Ghi chú
				Hạn chế chuyển nhượng	Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng	Tự do chuyển nhượng	
HĐQT	1	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	12.000.000	0	24,00%	0,00%	
	2	Nguyễn Thị Mai	Thành viên HĐQT	200.000	0	0,40%	0,00%	
	3	Hoàng Xuân Chính	Thành viên HĐQT	0	0	0,00%	0,00%	

Loại cổ đông	Số thứ tự	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu		Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ		Ghi chú
				Hạn chế chuyển nhượng	Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng	Tự do chuyển nhượng	
	4	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên HĐQT	30.000	0	0,06%	0,00%	
	5	Lưu Ngọc Bảo	Thành viên HĐQT	0	0	0,00%	0,00%	
BKS	1	Phạm Khánh Tâm	Trưởng BKS	0	0	0,00%	0,00%	
	2	Vũ Hồng Thái	Thành viên BKS	2.000.000	0	4,00%	0,00%	
	3	Nguyễn Thị Lưu	Thành viên BKS	10.000	0	0,02%	0,00%	
BTGD	1	Nguyễn Thị Mai	Tổng Giám đốc	200.000	0	0,40%	0,00%	
	2	Nguyễn Duy Chiến	Phó TGD	2.750.000	0	5,50%	0,00%	
GĐ tài chính	1	Lưu Ngọc Bảo		0	0	0,00%	0,00%	
KTT	1	Nguyễn Đức Cảnh		30.000	0	0,06%	0,00%	
Người được ủy quyền CBTT	1	Nguyễn Duy Chiến		2.750.000	0	5,50%	0,00%	
Cổ đông lớn là người có liên quan	1	Lê Thùy Anh		10.766.500	0	21,53%	0,00%	
TỔNG CỘNG:				(*)27.786.500	0	55,57%	0,00%	

(*): - Số tổng cộng đã loại trừ các nhân sự kiêm nhiệm nhiều vị trí.

- Hạn chế theo quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012.

5. Phương pháp tính giá

Ba phương pháp tính giá được sử dụng trong việc xác định giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân: (i) xác định theo giá trị sổ sách, (ii) phương pháp so sánh theo P/E và (iii) phương pháp so sánh theo P/B.

- Giá trị sổ sách của công ty là giá trị được rút ra từ việc xác định giá trị các tài sản. Giá trị sổ sách của một công ty là giá trị của toàn bộ tài sản (tiền, nhà xưởng, trang thiết bị, nguyên vật liệu...) được thể hiện trên sổ kế toán trừ đi tất cả các khoản nợ và không bao gồm lãi, tương đương với phần vốn chủ sở hữu.

- Phương pháp định giá dựa trên hệ số so sánh dựa trên nguyên lý: "Hai doanh nghiệp giống nhau phải có giá trị như nhau". Cơ sở căn bản của nguyên lý này là nếu hai doanh nghiệp giống nhau về quy mô, cùng hoạt động trong một lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cụ thể nào đó trong một môi trường kinh doanh nhất định thì phải có giá trị tương tự nhau. Định giá dựa trên hệ số so sánh là phương pháp được sử dụng phổ biến nhất khi định giá các ngành có lịch sử hoạt động lâu dài và tạo ra thu nhập ổn định trong tương lai. Đây là phương pháp phổ biến theo quan điểm của các nhà đầu tư tài chính khi đánh giá các cổ phiếu trên đang được niêm yết chứng khoán. Chi tiết các phương pháp được trình bày như dưới đây:

5.1 Phương pháp giá trị sổ sách

$$\text{Giá trị sổ sách/ 1 CP} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – TSCĐ Vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách tại ngày 30/09/2016 của cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2016 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	30/09/2016	31/12/2015
Vốn CSH	VND	552.203.081.996	529.754.941.136
TSCĐ Vô hình	VND		-
Số lượng	CPLH	50.000.000	50.000.000
GTSS 1 CP	VND/CP	11.044	10.595

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

5.2 Phương pháp so sánh theo P/E và theo DCF.

Danh mục các doanh nghiệp so sánh

Khi sử dụng hệ số của nhóm các doanh nghiệp để so sánh, điểm quan trọng là phải chọn lọc được nhóm cổ phiếu của các doanh nghiệp tương đồng. Theo đó, các doanh nghiệp được lựa chọn so sánh với Fortex

❖ Phương pháp so sánh theo P/E

Stt	Công ty	Mã CK	Số lượng CPLH	Giá CP 22/11/2016	EPS cơ bản	P/E
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[5]/[6]
1	Công ty cổ phần Damsan	ADS	16,070,000	20.0	0.73	29.76
2	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ	STK	53,516,024	16.5	0.92	17.93
3	Công ty cổ phần Everpia Việt Nam	EVE	41,979,772	23.0	2.704	7.78
4	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn	GMC	15,506,360	28.3	4.448	6.95
5	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	TCM	49,099,501	15.3	3.127	7.31
6	Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	NPS	2,170,000	12.5	440	28.18
7	Công ty Cổ phần May Việt Tiến	VGG	42,000,000	61.7	7.405	7.00
8	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	TET	5,702,940	15.5	2.4	9.41
	P/E bình quân					15.33

Nguồn: Với số liệu trung bình của các công ty cùng ngành như trên thì giá cổ phiếu của Fortex được xác định tương ứng như sau:

Lãi cơ bản trên SLCP bình quân thực hiện bình quân 3 năm (2016 – 2018) (EPS)	1.520
Giá trị cổ phiếu = P/E bình quân * EPS Forward (bình quân 3 năm (2016-2018))	22.633

❖ Phương pháp DCF

Tổng dòng tiền FCFF hiện tại	72.500
Giá trị FCFF đến hạn	1.409.205
Tiền mặt và đầu tư ngắn hạn	111.615
Tổng nợ vay	664.677
Giá trị vốn chủ sở hữu	928.643
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000
Giá trị trên mỗi cổ phiếu	18.573

Tổng hợp kết quả:

Phương pháp	Kết quả (VND)	Tỷ trọng	Kết quả
So sánh P/E	22.633	50%	11.316
So sánh DCF	18.573	50%	9.286
Tổng cộng:			20.602

Định giá Cổ phiếu áp dụng phương pháp P/E là phương pháp thông dụng và phổ biến nhất, đồng thời thể hiện được giá trị doanh nghiệp chính xác hơn so với phương pháp định giá thứ 2 là phương pháp chiết khấu dòng tiền. Tuy nhiên để mang tính công bằng và thận trọng Công ty lấy trọng số cho hai phương pháp so sánh P/E và phương pháp chiết khấu dòng tiền ngang nhau là: 50% và 50% và có kết quả giá cổ phiếu là 20.602 đồng/ cổ phiếu để làm căn cứ chính để quyết định giá niêm yết.

Mặc dù vậy, trên quan điểm về tình hình thị trường chứng khoán trong giai đoạn cuối quý IV năm 2016 và đầu quý I năm 2017, cùng với tình hình kinh doanh thực tế của Công ty trong năm 2016 cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2017. Hội đồng quản trị Công ty đã có Nghị Quyết số 26.12 ngày 26/12/2016 quyết định mức giá niêm yết cổ phiếu FTM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ở phiên giao dịch đầu tiên là 18.000 đồng /cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện tại, Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quản không quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 (có hiệu lực từ ngày 01/09/2015) của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, trong đó quy định:

“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

d) Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Tuy nhiên, do hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài cụ thể đối với từng ngành nghề kinh doanh của các công ty đại chúng theo Nghị định số 60/2015/NĐ-CP nên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tạm thời sẽ áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Sau khi có hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ sở hữu theo ngành nghề kinh doanh, Công ty sẽ thực hiện rà soát ngành, nghề kinh doanh, trên cơ sở đó dự kiến tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và sẽ thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (nếu có) thông qua triệu tập đại hội đồng cổ đông. Việc báo cáo và công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài Công ty sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tại ngày 28/11/2016 là 0 cổ phần.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1 Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

❖ Thuế giá trị gia tăng

Chi tiết mức thuế GTGT áp dụng với các hoạt động kinh doanh của Công ty như sau
Thuế suất 10% áp dụng với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được thành lập từ ngày 30/06/2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0802000861 để triển khai dự án theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 ngày 04/01/2007 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình và chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2008. Căn cứ theo Giấy chứng nhận đầu tư và Khoản d, điểm 1 mục IV của Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (“Thông tư 134”), Công ty được “Miễn thuế 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn”. Đồng thời, căn cứ theo khoản b, điểm 2 mục III của Thông tư 134, Công ty được hưởng “Mức thuế suất 15% áp dụng trong thời gian 12 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh đối với Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào

ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn”.

Như vậy, thời gian được ưu đãi thuế của Công ty là từ năm 2008 đến năm 2020 như sau:

- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2012 (thời điểm bắt đầu có thu nhập chịu thuế);

- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức 7,5% từ năm 2013 đến năm 2019

- Năm 2020, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15%.

- Theo báo cáo soát xét 9 tháng năm 2016 thì các chính sách liên quan đến thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng cho công ty như sau: Nhà máy kéo sợi 4.500 tấn - Đại Cường 2 là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 4 tháng 1 năm 2007, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo. Năm 2016 Nhà máy Đại Cường 2 chịu thuế suất thuế TNDN là 7,5%.

- Trong tháng 9 năm 2015, Công ty nhận bàn giao tài sản góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường và thực hiện kế thừa ưu đãi thuế tương ứng với dự án đầu tư các tài sản này như sau:

Dự án xưởng kéo sợi OE công suất 1.740 tấn/năm và Dự án xưởng kéo sợi PE công suất 2.000 tấn/năm (Thuộc nhà máy Đại Cường 1) hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2004), được miễn thuế TNDN trong vòng 6 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2007) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 8 năm tiếp theo. Năm 2016 Nhà máy Đại Cường 1 chịu thuế suất thuế TNDN là 10%.

Dự án Nhà máy Đại Cường 5 công suất 8.700 tấn/năm hưởng thuế suất ưu đãi là 15% trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoạt động (năm 2012), được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế hoặc năm thứ tư có doanh thu (Dự án chưa có lợi nhuận chịu thuế, năm thứ tư có doanh thu là năm 2015) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 5 năm tiếp theo. Năm 2016 Nhà máy Đại Cường 5 được miễn thuế TNDN.

7.2 Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:

+ Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.

+ Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

+ Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

- Kỳ tính thuế:

+ Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.

+ Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

+ Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

+ Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

+ Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Trụ sở chính: Số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3928 8080
 Chi nhánh: Số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (84.8) 3914 6888
 Website: www.bvsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ERSNT & YOUNG

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Coner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Điện thoại: (84.4) 3831 5100
 Fax: (84.4) 3831 5090
 Website: <http://www.ey.com>

VII. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

STT	Tài liệu
I.	Các quy định chung
1	Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2014
2	Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2014
II.	Các văn bản liên quan đến ngành dệt may và sợi
1	Quyết định số 3218/QĐ-BCT ngày 11 tháng 04 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
III.	Các văn bản thuế
1	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
2	Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003
3	Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp
4	Thông tư 134/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp
5	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008
6	Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng

STT	Tài liệu
	đẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
7	Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
8	Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12
IV.	Các văn bản liên quan đến hoạt động chứng khoán
1	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 Luật chứng khoán số 62/2010/QH12
2	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
3	Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
4	Thông tư 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán;
5	Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
6	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, thị trường chứng khoán;
7	Nghị định 145/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, thị trường chứng khoán;
8	Và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

VIII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục II: Điều lệ Công ty;

Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014;

Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015;

Phụ lục V: Báo cáo soát xét 9 tháng năm 2016;

Thái Bình, ngày 06 tháng 01 năm 2017

Đuy
TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đuy
LÊ MẠNH THƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM
SOÁT



Mai
NGUYỄN THỊ MAI

ĐC
NGUYỄN ĐỨC CẢNH

Phạm
PHẠM KHÁNH TÂM

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT



Đuy
GIÁM ĐỐC
Đuy
VÔ HỮU TUẤN